

TRẦN HOÀI THƯ

THỦ ĐỨC

gọi ta về



Thư Ấn Quán tái bản
2006

Trần Hoài Thư

Thủ Đức, gọi ta về

Thư Ấn Quán

Thủ Đức gọi ta về
tác phẩm thứ 13 của Trần Hoài Thư
Thư Ấn Quán xuất bản theo
phương pháp Desktop Publishing
lần đầu tháng 2 năm 2001
tái bản kỳ 5
Bìa, trình bày, layout: THT
Book Binding: THT
Revised edition: 5/2001, 3/2004

Mục lục

Tội nghiệp những cây mạ của vùng Trà Tiên	5
May mà ta có em	9
Viết từ đôi Tãng Nhơn Phú	23
Đêm di hành đầu tiên	77
Nguyệt san Bộ Binh	83
Đêm alpha	89
Cám ơn Thủ Đức	93
Thủ Đức gọi ta về	105
Thư về người đàn anh TĐ	109
Những người muôn năm cũ	125
Một bài thơ được viết	131
Ngày cuối cùng với TĐ	133
Nén hương cho người TĐ	139

Tội nghiệp những cây mạ của vùng Trà Tiên

Tại sao đến bây giờ ta vẫn còn sống sót. Khi ta bò lăn bò lộn, ôm bụng mà quần quai rên xiết. Cơ dịch kiệt lị không tha một ai, nếu kẻ đó không có thuốc men điều trị, nếu đi cầu trên 20 lần một ngày, nếu phần đã biến sang màu xanh lá chuối. Những điều kiện này ta đã hội đủ, còn vượt xa hơn nữa. Thuốc chỉ có một viên từ Nguyễn văn Giàu, người bạn cùng khung. Chỉ một viên màu nâu độc nhất. Và mỗi ngày, từ sáng đến cả đêm, ta chạy, ta tuột quần, không biết bao nhiêu lần không thể nhớ nữa.. Còn nữa. Không có nước để rửa ráy. Chỉ có cái giếng vào mùa khô mà đáy thì đen ngòm ngập đầy

chai lọ, bát, nón sắt, gạch, đá...Như vậy mà chúng tôi lại còn sống đến ngày hôm nay để thêm một lần chiến đấu, như ngày xưa chúng tôi đã từng chiến đấu. Rằng trong máu huyết của chúng tôi vẫn còn có cái khí phách cao ngạo của người lính-kẻ-sĩ. Rằng con cháu chúng tôi đã thành bác sĩ, kỹ sư, chuyên gia. Xin đừng buộc tội chúng tôi phách lối kiêu ngạo. Vâng cho phép chúng tôi một cơ hội để được trả thù. Chúng tôi phách lối với kẻ đã từng đìm chúng tôi xuống, chửi rửa ông bà, tổ tiên tôi, xem chúng tôi là ác thú ăn thịt người, ngày xưa làm lính đánh thuê, ngày nay đi làm đầy tớ cho chủ Mỹ. Chúng tôi phách lối với những kẻ chỉ biết máu đổ lòm, ngu xuẩn, dốt nát. Chúng tôi đã trả thù được rồi. Rằng Thủ Đức chúng tôi là thế. Luôn luôn vươn lên sau những lần ngã quỵ.

Đó là lý do tại sao chúng tôi vẫn còn có mặt để mà sống sót. Khi máu đổ lòm, chảy ròng ròng khi tôi té nhào trên đường đê trơn trượt. Tôi ngã và tôi đã chống lưỡi hái vào cả bàn tay mình. Máu đổ . Trời ơi, hết phần rồi đến

máu. Rồi hết máu thì đến cái gì. Mưa làm máu loang nhanh, đổ cả vũng nước. Tôi đang đứng yên, nhìn máu mình tuôn. Đừng khóc với cha đừng khóc với Thượng Đế. Hãy cười ngạo mạn. Hãy xem là bóng mây, là một phần của cuộc đời. Hãy nhập tâm mà nhớ. Hãy nhìn trùng trùng vào vết thương. Mặc. Tôi lấy bùn lấy lá cây lấy màn nhện lấy thuốc lao đắp lên vết thương, dịu dàng quá đỗi, thương hại thân thể mình quá đỗi.

Thương hại như thương hại đồng bào tôi, kẻ thù tôi. Tại sao cứ cáo buộc tôi giết người uống máu người. Tôi đang liếm máu đây. Nhưng là máu của tôi. Máu hôm qua đã đổ và bây giờ vẫn tiếp tục đổ.

Tôi vẫn tiếp tục phạt đám mạ non cùng với chiếc lưỡi liềm. Mặc máu vẫn tuôn. Tôi đã trả thù. Những người bạn tôi cũng vậy. Tôi hả hê với ý nghĩ trả thù. Người ta hành hạ chúng tôi. Và chúng tôi phải trả đũa lại, cách này hay cách khác. Cứ như thế nạn nhân của chúng tôi bị chém, bị phạt. Chúng tôi đã xem chúng là cỏ dại. Mạ với cỏ ai mà phân biệt, phải không?

Nhưng bây giờ tôi hối hận rồi. Ôi những cọng mạ non xanh thắm trên cánh đồng âm ấp nước, đã cố vươn lên từ chỗ đầm phèn, để cố sống sót dưới ánh mặt trời, chúng đâu có tội tình gì. Chúng cũng như chúng tôi đang cố sống sót đây. Chúng cũng muốn thở lấy hơi sương, hấp lấy khí trời, sưởi lấy nắng ấm hay muốn ngâm trong làn nước mát. Chúng cũng là nạn nhân của sự ngu xuẩn, mà không bao giờ nghĩ mình là ngu xuẩn. Người ta cứ gào *ngày mỗi ngày từng chiếc lá xanh. Đã mọc lên trên những ngôi làng kháng chiến.* Lá xanh gì. Tội nghiệp cho những cây mạ của vùng Trà Tiên, một thời chúng đã bị bức tử vì lưỡi hái trả thù của ta, và nếu không bị trả thù, thì cũng bị chết dần mòn vì những bộ óc ưu việt của loài người.

May mà ta còn có em... và Sài Gòn và Thủ Đức

Bởi vì, em đã đến với ta khi ta không còn gì hết. Ta đã nói khi ta vào ngôi trường của chiến tranh có nghĩa là ta không còn là ta nữa. Cái tôi của mình đã bị tước đoạt từ thể xác đến tâm hồn. Người ta đang cố biến tập ta thành một người máy. Nhưng ta vẫn còn trái tim. Bởi vì trái tim mà ta đã có mặt. Trái tim bắt ta phải lên đường, phải chấp nhận cái định mệnh của thế hệ sinh và lớn lên trong

chiến tranh. Trái tim nâng bước chân ta khi ta muốn quỳ, đỡ ta lên khi ta muốn ngã. Trái tim làm ta biết phẫn nộ, sôi sục như quả trái phá, cuồng nhiệt đam mê như hít hà da thịt yêu ma. Trái tim dạy ta phải yêu núi yêu sông, phải hy sinh bản thân, dù ta rất sợ khi phải nói về những mỹ từ tâm lý chiến. Trái tim khiến ta bò đến mục tiêu khi hai cùi chỏ ta trầy trụa. Trái tim mềm yếu vô cùng nhưng cũng mạnh mẽ vô cùng. Và cũng vì trái tim, ta mới yêu em. Mới thương em hơn bao giờ.

Ta gặp em khi nào. Ta đâu có tài tán gái. Ta cũng chẳng phải đẹp trai. Ta gầy còm hom hem, mắt nặng độ, gió mạnh thổi muốn ngã. Ta đã được hoãn dịch vì lý do sức khỏe mà. Thế mà em đã đến với ta, bằng tất cả tâm hồn. Cảm tạ em, cảm tạ Sài Gòn.

Nhớ em, phải nhớ Sài Gòn. Phải nhớ chiếc áo dài trắng, và mái tóc cắt demi garçon mà em mang đến. Nhớ em, nhớ hơi hờm như còn vương lại trăm năm. Nhớ em, đôi vai nào nhỏ bé mềm mại, hàm răng nào trắng như hạt lựu, đôi mắt nào lung linh dưới nắng,

đôi môi nào như mềm ướt và thân thể nào nóng bỏng thịt da. Nhớ em, em Sài Gòn, hôm nào, tên ta được gọi. Trời ơi, ai đó cà. Ai như từ tiền thân vì ta phải đọa. Ai lựa tên ta mà bốc nhằm. Ai đến với ta khi thiên hạ bỏ ta mà chạy mà xa. Ai thả chiếc cầu để ta được cơ duyên mà chụp. Cám ơn em. Cám ơn Tăng Nhơn Phú. Nhờ Tăng Nhơn Phú ta mới được gặp Sài Gòn. Cám ơn trong địa ngục ta vẫn còn thấy được thiên đàng. Trong lò luyện thép ta còn hứng được một cơn mưa ân sủng.

*Có phải em là Gia Long. để anh thềm
muta rất nhỏ. Có phải em là Trương Vương để
anh thềm hoa phượng nở... Không, ta chỉ
tưởng tượng viễn vông để làm một bài thơ
mà ta chưa bao giờ cảm nhận để cho đời đỡ
buồn. Cái tưởng tượng như ông Tố Hữu ((*tên
lành mà dạ chẳng lành*) hay những ông nhà
văn nhà thơ ngồi trong tháp ngà tưởng tượng
để cả thế hệ con cháu các ông đều tưởng
thật, xem là chân kinh, để rồi lao về phía
trước như bầy thiêu thân. Nhưng ta xin thề,*

ta rất thật thà với em, em của trái tim Sài Gòn, giọng nói Sài Gòn, mái tóc Sài Gòn, má lúm đồng tiền Sài Gòn, mềm mại mà nồng cháy, yếu đuối mà cuồng nộ đam mê...Bởi rõ ràng như hôm qua, em ngồi đấy, trên tấm vải nhựa ở khu thăm nuôi. Năng Tăng Nhơn Phú đẹp nảo nùng bởi vì có nắng Sài Gòn em mang đến. Em gấp cho ta thức ăn như người vợ chiều chồng. Trời ơi, từ khi sinh ra đến giờ, ta có bao giờ được ai chiều chuộng như em. Số ta là số du thủ cô hồn, hoang đàng phóng đảng. Số ta lê la đầu đường xó chợ, số ngủ bờ ngủ bụi mà. Số ta, sinh ra đã nghe tiếng hí kinh hoàng của con ngựa chững. Số ta, số luôn luôn bom đạn, thù hận, tai ách do từ những thằng già ngồi trong tháp ngà mơ tưởng đến thiên đường và bọn thực dân phát xít luôn luôn rình mò tìm cách xâm lược. Số ta, cha mẹ chia lìa, cha con một người một ngã, nhìn đâu cũng thấy máu, máu, và máu. Số ta, đêm trốn chui trốn nhủi dưới gầm bàn, xó nhà để tránh đạn, tránh bố ráp... Số ta, tiếng khóc đầu tiên không phải là khóc cho một kiếp người mà là tiếng khóc

của một thế hệ sinh ra trong thời ta bà mặt kiếp. Số ta, cái số thế hệ chiến tranh, *số rớt tú tài anh đi trung sĩ, em ở nhà lấy Mỹ nuôi con...* Số ta, như vậy mà em còn thương ta, thì tâm em là tâm bồ tát rồi.

Ta đã nói trăm lần, ta phải cảm tạ Tăng Nhơn Phú. Bởi vì nhờ Tăng Nhơn Phú mà ta được yêu Sài Gòn và được yêu em. Nhờ có Tăng Nhơn Phú mà bỗng dưng Sài Gòn trở nên gần gũi, mà *Gặp em trong chuyến xe về muộn. Trăng đã lên trên khu Hàng Xanh. Sài Gòn Gia đình chia trăm ngã. Có ngã nào em hiểu tình anh.* Nhờ có Tăng Nhơn Phú mà trước lạ sau quen con gái Sài Gòn qua thơ Nguyễn Sa, qua văn Duyên Anh. Ôi Tăng Nhơn Phú, đôi gian khổ mờ hôi, may mà trên bầu trời vẫn còn có những vì tinh tú sáng để ta còn nhìn về phía Sài Gòn, mà mong mà nhớ. Nhờ có Tăng Nhơn Phú, mà ta mới đỡ mờ hôi để còn có em đem cho ta cơn gió mát. Nhờ có Tăng Nhơn Phú mà em đã tìm đến ta, vào ngày cuối tuần, mang theo những món đồ thăm nuôi rải theo nước

thánh. Ta ăn dù chua, cũng thành ngọt, dù cứng cũng thành mềm... Em hỏi ta có cực không, khiến lòng ta tỏ mở: Thấm tháp gì. Ta bị phạt 50 lần hít đất nhảy xồm vì tội để giày bẩn, nhưng ta phóng đại bị phạt cả trăm lần... Làm như Thủ đức như một lò luyện thép... Rồi em cứ bắt ta kể chuyện quân trường. Em nói là mỗi lần em đọc *Nhật Ký Quân trường* của ta trên nguyệt san bộ binh là mỗi lần em khóc. Em thương các anh sinh viên sĩ quan Thủ Đức quá. Em càng làm ta kiêu hãnh. Như vậy mà ông đại đội trưởng lại cứ phạt ta dài dài. Như vậy mà đám sinh viên sĩ quan cứ nhìn ta nói bóng nói gió: Nguyệt san Bộ Binh không muốn mua cũng phải bị ép mua. Trời ơi, ta đâu có cái thẩm quyền mà nói hờn nói mát như vậy. Ta viết bài, chẳng những không có nhuận bút mà cũng bị trừ lương, 8 đồng một số. Trời ơi. Ta mang mồ hôi của ta của bạn bè để nhỏ lên trang giấy để các em gái hậu phương còn yêu tha thiết các người mà. Sao lại trách ta đồng lõa. Sao đại úy S. cứ ghen tức vì ta được miễn ngày thứ tư đi bãi để lên họp ở

Khối Chiến Tranh Chính Trị hay về Hội quán nhìn em. Tim đại úy là tim đồng tim sắt, làm sao còn biết cái hay của bài thơ Luân Hoán, Nguyên Sa, Cao Thoại Châu, những người thơ cùng khoá của ta? Sao đại úy cứ đi ta đến tả tôi, tôi tả...chỉ vì ta có cái tội là viết báo bộ binh?

Còn em. Em Sài Gòn, thiếu gì chàng công tử mà em lại lặn lội chọn ta. Em nâng khăn, nâng bát, nâng chén, mời ta. *Có phải em là lan của vườn hoa bách thảo...* Thì vâng. Em là lan. Cành lan mong manh đã nở một đoá hoa vàng rực rỡ trong hồn ta bát ngát. Mấy mươi năm rồi, nhớ lại em, lòng ta bỗng dưng ấm áp lạ lùng. Nhớ đôi mắt ai lung linh, chẳng hiểu vì nắng Tăng Nhơn Phú đã tắm đầy đôi mắt ấy, hay vì khi yêu ai, ta cứ một mực tôn sùng. Nhớ em, làm sao quên được những lần ta chạm tay, vô tình hay cố ý. Con tim già nua của ta bây giờ cũng phải đập bán loạn như hôm qua. Con người nhiều khi chỉ cần sống một giây, một giây mà thiên thu bất tận, mà hoan lạc cuồng si, mà mắt sẽ mở

trùng, và lòng thì mãi nguyện để mà nhắm mắt như cái giấy khắc mà con bướm đục động tình giao hoan trước khi rụng xuống mà chết.

Vâng, may mà có em, đời còn để thương. Thơ Vũ Hữu Định tuyệt vời như thế mà sao văn học sử không dành cho bạn ta một chỗ đứng. Nhưng cần gì, trong tim em, tim ta, tìm những thằng trẻ tuổi của một thế hệ chiến tranh đã in khắc những câu thơ tuyệt vời ấy rồi. Bởi nó là nỗi lòng đích thật của một thế hệ bị mất mát quá nhiều, bị trù dập quá nhiều. Hồi các ông soạn sách văn học sử, các ngài hàn lâm khoa bảng.. Các ngài chỉ bắt bọn trẻ học về Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, giòng thơ mới, những kẻ đang ở ngoài Bắc, trong khi những thần tượng của chúng tôi, mỗi ngày nặn óc nặn tim để sáng tạo ra những bài thơ phan thây uống máu bọn trẻ chúng tôi trong Nam. Các ngài chỉ dựa sách vở để lý luận, tham khảo những tài liệu mốc xì, lỗi thời từ Socrate đến Jean Paul Sarte, các ngài làm sao biết những trang bản thảo được viết dưới

hầm, trong bóng đêm dưới ánh đèn pin quân đội, trong bệnh xá, ngoài bãi, trên Trường Sơn, trong sinh lũy. Các ngài đâu có hiểu cái dấu chấm dấu phết trở nên vô nghĩa khi hơi thở bị hụt hẫng, khi nỗi lo âu bị đè nặng... Các ngài đâu có hiểu tại sao Hà Nội lại đốt hết cả văn chương thời chiến của chúng tôi. Bởi vì chính quyền mới không dám cho những người thuộc hàng ngũ của họ thấy được sự thật của những kẻ mà họ nói rằng: Giết cả trẻ sơ sinh hay hãm hiếp ăn thịt người. Bởi vì họ không dám cho dân họ thấy rõ về một nền văn học nhân bản, mà chúng tôi đã chuyên chở trong những tác phẩm của chúng tôi. Bởi vì họ sợ sự dối trá của họ bị lộ mặt.

Đấy. Thế hệ chúng tôi là thế. Chiến tranh cướp mất tuổi trẻ đã đành, còn văn chương, văn học chuyên chở cả nỗi lòng của tuổi trẻ cũng bị cướp đoạt tiếp. Chưa kể những tai ương ghê gớm khác mà thế hệ chúng tôi phải gánh chịu sau ngày ngưng tiếng súng: tù tội, trả thù, và cái bản án vô hình ghê rợn: ngụy. Đấy. Tuổi trẻ của chúng tôi là thế. Của

những kẻ ưỡn ngực vừa chạy vừa gào xung phong để cho các ngài làm văn hóa, dạy văn hóa, suốt ngày chỉ la lên: *Yêu là chết ở trong lòng một tí...* trong khi chúng tôi muốn yêu mà không được yêu, đã có yêu rồi nhưng lại ngăn cách chia lìa. Các ngài chỉ biết rung đùi thưởng ngoạn những giọng văn học ngoại lai, các ngài làm sao hiểu được cái tiếng gọi buốt xoáy trong trời đất Việt Nam: *em hỏi anh bao giờ trở lại. Xin trả lời mai một anh về... Anh trở về với đôi nạng gỗ. Anh trở về bại tướng cụt chân...* Các ngài chỉ rung đùi cùng những trang cổ thư quân tại tương giang đầu thiếp tại tương gian vĩ hay tự hãnh diện đầy bồ chữ Mỹ chữ Tây... trong khi không có một nơi nào như phần đất Việt Nam này, mà tuổi trẻ già cả trăm năm, mà mỗi cá nhân là một chứng nhân sống để phán xét về những chủ nghĩa lý thuyết mà các ngài tự hào là những kẻ thông thái. Các ngài không lấy vết sẹo ra để mà làm tài liệu, những giọt nước mắt ra làm chứng từ, mà chỉ lấy kinh nghiệm của những ông Tây ông Mỹ. Ông Tây ông Mỹ có thở như chúng tôi đã

thở? Ông có sống như chúng tôi đã sống? Ông có thấy như chúng tôi đã thấy? Các ông có bao giờ đứng bằng cặp giò cụt? đã vác thập tự giá như chúng tôi đã vác? Có viết những trang bản thảo mà phải trùm mền, trùm poncho dưới ánh đèn pin quân đội?

May mà có em đời còn đời còn để thương.
Cám ơn nhà thơ. Và cám ơn em. Em đã làm đời ta thôi buồn thảm như con bò trong đàn bò về thành phố từ bài hát của Trịnh Công Sơn mà Khánh Ly đã rên rĩ đến đứt đoạn: *Đàn bò về thành phố đêm buồn vắng buồn hơn...* Bởi vì nếu không có em, chắc bước chân ta sẽ phải thất thủ trên những vỉa hè Sài Gòn để mà tủi thân. Bởi vì không có em làm sao ta hiểu được một Sài Gòn độ lượng bao dung, con gái từ tâm cho mà không cần đặt câu hỏi. Ôi Sài Gòn, ta tự hào hãnh diện có bộ ngực mềm mại, có bờ vai nhỏ bé, có con tim như vang những tiếng chuông chùa nhà thờ... Cần gì sắc đẹp nghiêng ngửa não nùng. Các em ấy đã có phần hết rồi. Bởi Sài Gòn nhiều tướng tá lãnh tụ, chính trị gia, nhà

văn nhà thơ tài hoa, tài tử đóng phim đẹp trai, những chàng trai mặc đồ bay, súng ruleau hoa mai trắng...Còn ta chỉ là thằng đang chuẩn bị trở thành một trung đội trưởng bộ binh, chẳng biết nhảy đầm, hay biết lái xe để đưa em dạo phố. Ta chỉ có đôi chân. Đôi chân sẽ lội bộ, sẽ trèo đèo vượt suối, sẽ chạy sẽ ngấp sinh sẽ dẫm trên từng tấc đất đầy tai họa. Đôi chân sẽ dẫm trên từng tấc đất của quê hương, cho dù một ngày nào đó, sẽ bị què bị cưa bị cụt. Đôi chân chống lấy thân người nhưng cũng chống đỡ những hòn đá nặng của lịch sử.

Và con tim. Con tim đang thì thầm, em có nghe không đấy. Nó đang nói về một niềm hạnh phúc. Bởi vì tuy gia tài của một tên thanh niên không có gì hết, nhưng em có nghe tiếng còi tàu từ hướng sông Sài Gòn đang vọng về như chúc mừng chúng ta, và trên bầu trời, muôn vàn tinh tú, sáng lung linh, gần nhau, sát nhau, như anh và em. Như buổi chiều Sài Gòn trời đổ cơn giông, ôi cơn mưa ân sủng không ngờ một ngày chúng

trở thành những cơn mưa vĩnh cửu:
Anh còn lại đây một chiếc poncho
Anh xin trải ra cho em ngồi đỡ
Em thấy gì không, thiên nhiên cây cỏ
Có cả bầu trời xanh biếc trên cao

Có tiếng cúc cù của đôi chim cu
Có loài bông rừng thơm tho trong gió
Sài Gòn dù phố xanh phố đỏ
Ở đây cũng yêu mến lạ thường

Vẫn cõi đất trời vô lượng bao dung
Vẫn bờ cỏ mềm hơn thềm nhưng lụa
Nắng hôn nhẹ trên những tàn cây nhỏ
Lá cũng thì thầm bài hát yêu nhau

Anh cũng thì thầm, một bông ngọc lan
Vừa mới nở trong hồn anh bát ngát
Hãy cho anh thử nhìn lên đôi mắt
Để biết rằng đời quá đẹp, dễ thương

Sài Gòn buổi chiều trời chuyển cơn giông
Cơn mưa vội, bay qua trời Thủ Đức

*Anh qua Nhà Ăn chui rào Thiết Giáp
Biết gì hơn, mang một chiếc poncho
Anh không có nhà, để em trú mưa
Chỉ chiếc poncho trùm đầu hai đứa
Chúng ta hôn nhau, dưới trời mưa thác
Mưa Sài Gòn. Mưa xa lộ. Mưa. Mưa
Mưa loạn cuồng như hai kẻ sắp xa
Bấu chặt lấy giờ cuối cùng sắp mất
(Thơ Trần Hoài Thư)*

Em có lạnh không, em cứ nép vào ngực anh,
vào vai anh, và cứ nhắm mắt. Đừng nghĩ.
Đừng bận tâm ngày mai. Em yêu dấu của
anh.

Viết từ đôi Tăng Nhơn Phú

*hỡi Na, những Na và Lý
bài thơ này quà tặng hai người
có chồng đi xa làm lính*

....

*này Lý, này Lý thân mến
bạn có biết viên đạn đó bay đi đâu không
nó rơi vào hồn chúng tôi và nổ*

(Tình Khúc Cuối Cùng ở K.B.C 4100, Luân Hoán và Cao
Thoại Châu viết chung)

Vâng, ngày xưa thì chiến tranh. Chiến tranh bắt người tuổi trẻ rời giảng đường thư viện không phải để học thêm kinh nghiệm của trường đời từ kiến thức sách vở đã thu thập. Hẳn phải học những bài học khác, hải hùng

hơn, kinh hoàng hơn, xa xót hơn, tồi tệ hơn. Những bài học về sự sống và cái chết. Về hận thù. Về nỗi buồn rầu già trước tuổi. Về cái định mệnh tàn bạo mà tuổi trẻ là nạn nhân. Trường đời chỉ là ly cách, tang thương, chỉ là những đám mây u ám nồng nặc mùi tử khí thay vì những đám mây xanh hồng. Trường đời chỉ là những đội ngũ cùng chung một bộ đồng phục cam nín tuân phục. Ngôi trường của chiến tranh đã mở cửa rộng cho mọi người trẻ tuổi, không phân biệt nghèo giàu, hay kiến thức bằng cấp. Và cứ thế, cả nước bị lừa vào, Nam lẫn Bắc. Lừa vào, đầu hót trọc, nhận khẩu súng trường, nhận lưỡi lê, nhận bộ quân trang rộng thùng thình. Và học. Học cách bắn giết, đâm chém. Học trở thành một người lính. Học nhắm mắt tuân lệnh. Học cách dùng dao thức. Học con tim dùng tra vấn thét gào.

Đôi Tăng Nhơn Phú hay là đôi 4100. Ai mang ta đến chốn này? Ai mang cả ngàn người cho mỗi khoá. Năm ấy, 1967, chiến tranh đã đến hồi cao điểm. Quân số Mỹ đã

lên gần con số 500.000. Năm ấy, tháng giêng ngày 6, 16 ngàn quân Mỹ và 14 ngàn quân VNCH đồng tấn công vùng Tam Giác Sắt, một mật khu bất khả xâm phạm của quân Cộng Sản. Ngày 29 tháng giêng, trực thăng Mỹ bắn lâm, giết 32 thường dân. Ngày 15 tháng 2, 13 trực thăng Mỹ bị bắn rơi trong một ngày. 14 tháng 4, tại Mỹ 10 ngàn người biểu tình chống chiến tranh VN. 20 tháng tư, 20 phản lực Mỹ lần đầu tiên dội bom Hải Phòng. 19 tháng 5 máy bay Mỹ lần đầu tiên oanh tạc Hà Nội. 30 tháng 7, thống tướng Westmoreland tuyên bố sẽ chiến thắng nếu có thêm quân. 23 tháng 9, Nga ký thoả ước viện trợ giúp đỡ tối đa Hà Nội. 26 tháng 9, Hà Nội bác bỏ đề nghị hòa bình của Hoa Kỳ... Năm ấy, 1967. Năm mà những khí giới tối tân nhất của Mỹ, của Nga, Tàu được chuyển về miền Nam, trong khi người lính miền Nam vẫn còn thừa hưởng những khẩu súng trường bắn từng phát một từ đệ nhị thế chiến và đa số các tướng lãnh xuất thân từ quân đội Pháp. Năm mà những đứa học trò hay sinh viên ngồi trong lớp học hay giảng

đường, thay vì chú tâm vào sách vở kiến thức thì phải nghĩ đến một hai thằng bạn thân đã tử trận. Năm mà cái chết không chừa một ai:

Những anh em mặt đẹp như hoa

Một ngàn lần hơn ta

Cũng chết

Những anh có vợ mới cưới chẵn gối còn thơm

Cũng chết

Những anh em có viết thư tình nét chữ còn run

Cũng chết

Những anh em con cái còn nhỏ hơn con cái ta

Cũng chết

Những anh em mẹ già còn già yếu hơn mẹ già ta

Cũng chết

Những anh em đáng sống một ngàn lần hơn ta

Đã chết

Đang chết

Và còn chết

(Xin lỗi về những nhầm lẫn dĩ vãng, Nguyễn Sa)

Đấy là những gì mà tuổi trẻ chúng tôi thừa hưởng trước khi lên đời Tăng Nhơn Phú. Đấy là nỗi buồn hơn là niềm vui, nỗi miễn cưỡng hơn là nỗi náo nức. Chúng tôi không có quá khứ mà cũng chẳng có tương lai. Chúng tôi hãi sợ chiến tranh nhưng chúng tôi vẫn phải chấp nhận cuộc chiến. Chúng tôi không có thanh xuân. Chúng tôi già trước tuổi. Xin đừng vinh danh. Cũng xin đừng kết tội. Bởi, không ai muốn thành anh hùng trong một đất nước có quá nhiều anh hùng. Thôi thì phải như mọi người, phải "nhận lấy vai trò của lịch sử" phải "thanh niên là rường cột của nước nhà, phải làm vẻ vang nơi giống" như những khẩu hiệu viết đầy đường đây phố hay từ những miệng môi của các lãnh tụ hai miền.

Phải, không có cách gì hơn. Cả Bắc lẫn Nam. Nếu mà ta lỡ được sinh ra ở ngoài Bắc, thì cũng không có cách gì hơn. Trời ơi, mấy mươi năm nhìn lại, bàng hoàng. Thằng cu Bắc, thằng cu Nam, không bao giờ biết mặt

nhau, tự nhiên một ngày nào trở nên kẻ thù không đội trời chung. Không những thế nhiều khi anh em, cha con lại giết nhau mà không biết. Hai bên cứ lẫn xả hủ hê đâm chém, như kẻ điên khùng. Không ai cho chúng đôi mắt sáng để nhìn rõ bóng u minh. Nếu có chỉ là những huy chương hay bằng tưởng lệ. Nếu có là những mối huyết thù không biết từ đâu tròng lên vai lên ách tuổi trẻ. Nào ai có thể biết rõ, cái giá mà tuổi trẻ đôi bên đã phải trả cho một cuộc chiến tàn khốc nhất của quả đất này.

Để khi biết rồi là quá muộn.

Cả một thế hệ mang đầy vết sẹo. Vết sẹo ngoài thân và vết sẹo trong hồn.

*Cát tiếng đòi to. Tiếng đòi rơi rụng
Những âm thanh làm sẹo ở trong hồn...
(Bây giờ, Nguyễn Sa)*

Vết sẹo từ một cuộc chiến tàn khốc. Vết sẹo từ những kẻ sinh làm thế kỷ. Vết sẹo từ một

quân đội bị bức tử. Vết sẹo từ những nhục nhân tù tội. Vết sẹo từ những chiếc mã tấu của lũ hải tặc. Và vết sẹo từ những cay đắng e chề của kiếp người bỏ xứ lưu vong. Chúng hành hạ. Chúng ngủ rồi thức. Chúng tiếp tục quấy rầy. Chúng không có lời giải.

Như vậy, lấy gì để ta bám vào mà sống. Lấy gì để ta ngẩng đầu, ít ra, trong những ngày còn lại ?

Trong building tôi làm việc có một người cựu chiến binh da đen. Anh chỉ có mặt ở VN chưa đầy một năm, nhưng hình như VN đã làm anh tự hào khi nhắc đến. Anh luôn luôn khoác chiếc áo lính trận màu xanh olive, cũ mèm, và trên ngực áo của anh không phải đeo huy chương nhưng những huy hiệu đơn vị cũ. Trên mũ anh cũng vậy. Những huy hiệu cho tôi biết anh thuộc Sư đoàn 1 kỵ binh không vận Hoa Kỳ, mà bản doanh Bộ Tư Lệnh đặt ở An Khê.

Vâng, có gì để anh phải mang chiếc áo trận kia mỗi ngày? Đó không phải là niềm tự hào

hãnh diện?

Còn tôi, tôi cũng đang tự hào đây. Tôi cũng mang lại chiếc áo lính đây. Tôi cũng đội lại chiếc mũ rừng đây. Tôi cũng tự hào xuất thân từ một ngôi trường, mà đa số thuộc thành phần kẻ sĩ đây. Nó đã khiến tôi thêm một lần nữa ngẩng đầu. Và khi người cựu chiến binh Mỹ biết được cấp bậc của tôi, anh ta chào tay tôi. Vâng, tôi đã chào anh lại. Cũng như ngày xưa những người lính thuộc Sư đoàn Không Kỵ kia đã chào. Tôi chào vì tôi vẫn là một người sĩ quan Thủ Đức.

Tôi không hổ thẹn. Tại sao lại phải hổ thẹn? Tôi không cảm thấy nhục nhã. Tại sao lại cảm thấy nhục nhã?. Tại sao người cựu chiến binh da đen ấy giờ phút này vẫn còn mang mỗi ngày chiếc áo màu xanh rừng ấy? Chỉ có những kẻ trong cuộc mới hiểu và thông cảm nhau mà thôi.

Như vậy là Thủ Đức đã miên triền thúc dục ta phải viết. Viết cái gì cũng được. Bởi vì từng hạt bụi cũng là dính dấp đến mồ hôi và nhục nhằn của ta. Một hạt cát cũng làm đau

thốn bàn chân của ta. Thủ Đức gọi ta về. Ai gọi đây, hay là tiếng tù và đã rúc lên trong những ngày đen tối. Ai gọi đây. Hay là tiếng gào thét xung phong đã chìm im dưới những ngôi mộ oan khiên ? Thủ Đức gọi ta về. Có đủ để nói lên tất cả những ý nghĩ thầm kín nhất của ta, bạn bè ta, để cho con cháu ta đọc, hay để cho những người từng là kẻ thù của ta đọc, và hiểu rõ hơn về những người mà họ kết tội là hãm hiếp phụ nữ, giết trẻ sơ sinh. Hãy viết đi. Thủ Đức gọi ta về. Một người khoá 13 TĐ kể lại lần về VN vừa rồi, anh em khoá 13 TĐ cùng rủ nhau họp mặt rất cảm động. Đêm đó, ai cũng ôm nhau mà khóc mà cười.

Vâng, còn ta. Ta nên khóc hay nên cười hay nên im lặng. Lời kể của người bạn đã làm ta càng muốn viết hơn bao giờ. Hãy thử nhắm mắt lại, và thử tưởng tượng một buổi họp mặt Thủ Đức tại quê nhà. Đa số đều bị thương tật. Bởi vì khoá 13, cấp bậc họ ít nhất cũng là đại úy, hội đủ điều kiện qua Mỹ. Và tuổi họ đã quá 50 hay gần 60. Đáng lẽ họ là thành phần bất mãn nhất, bởi vì hầu hết bạn

bè đồng khóa đều hưởng quyền lợi HO, trong khi họ, mắt mù, chân tay cụt, què. Họ đã bị thải ra ngoài cuộc chiến quá sớm. Họ đã bị xã hội mới trù dập hơn những người khác, bởi vì họ là sĩ quan. Nhưng họ vẫn có mặt. Dù không có hội trường, tranh ảnh, bích chương, biểu ngữ, ca nhạc, dạ vũ, diễn văn khai mạc, bế mạc. Họ vẫn có mặt bởi vì hơn bao giờ *Thủ Đức gọi ta về*. Người bạn nói là anh đã khóc trước mặt họ. Anh không thể hiểu là trong những con người đầy bất hạnh như thế, tiếng gọi về của ngôi trường xưa lại thúc dục mọi người. Sài Gòn xuống. Vĩnh Long qua, Rạch Giá về. Và cả ba, bốn chục người. Họ chống nạng, mang kính đen, ống tay áo phơ phất, và mái tóc bạc phơ. Họ ngồi quanh bàn tiệc, cùng nhau kể lại, và rắng nhớ lại những người cùng khoá chết hay còn sống. Họ nhắc lại kỷ niệm. Và họ nâng cốc. Họ không nói ra, nhưng chắc chắn là tim họ đã nảy nở niềm tự hào.

Vâng, ta biết rồi. Ta cúi đầu ngưỡng mộ các niên trưởng của ta. Một bữa tiệc hội ngộ thì vẫn như trăm ngàn vạn bữa tiệc hội ngộ

khác. Như hội ngộ cựu học sinh trường...Như hội ngộ làng, xóm...Tất cả vẫn là sự mừng vui tao phùng. Tất cả là những kỷ niệm của một thời. Tất cả là kẻ xa kẻ gần huyền thuyên tâm sự. Và bia và rượu và tiền bạc đô la. Nhưng ở buổi Thủ Đức gọi ta về này, nó mang một ý nghĩa khác. Nó là một cuộc thách đố. Nó nói rằng, dù Thủ Đức đã mất, bạo lực thống trị, nhưng tinh thần Thủ Đức vẫn còn. Nó nói lên sự thách đố của người Thủ Đức trong một hoàn cảnh đầy đe dọa và bất trắc.

Như vậy mà họ lại đến với nhau. Tại sao vậy.

oOo

Tại sao vậy? Hãy uống dùm đàn em một cốc rượu, để đàn em có thể diễn đạt trọn vẹn về một cuộc hội ngộ khoá 13 TĐ tại Cần Thơ. Để đàn em có thể thấy những người muôn năm ấy, hôm qua tụ hội trở về. Để đàn em có thể hình dung ra những ngọn gió từ lâu đã mất bây giờ trở lại, mang theo hương mùi thân quen của những cây đào lộn hột, hay

những hoa đại từ hai bìa đường từ cổng số 9 ra Bãi biển. Để đàn em được sống lại trong một giờ một phút cùng Thủ Đức, giữa lúc bộ bán cầu não đang bị hao mòn. Hay là tiếng mớ thảng thốt của người bạn, tội nghiệp, không quen cam khổ hay là vàng trắng soi trên quân trường, lạnh lẽo và cô đơn. Thủ Đức gọi ta về. Không phải về để mà than khóc, tiếc nuối cái hào quang, hay ngậm ngùi cho một cuộc bể dâu dâu biển. Mà trái lại, về để mà nung thêm lửa vào trái tim, để mà tự hào và hãnh diện. Về để mà nhìn lại một thời, ít ra, mình làm được một điều gì đó không hổ thẹn cùng lương tâm của mình và con cháu mình. Để chúng càng thương phục cha anh chúng hơn bao giờ.

Bởi vì cha anh chúng đã sống như thế đó. Khổ như thế đó, chấp nhận như thế đó. Rằng cha anh chúng đã được sinh ra trong thời nhiễu nhưng như thế. Họ không muốn đi lính nhưng vẫn phải đi lính. Họ chẳng bao giờ mơ đến hoa mai vàng trên cổ áo mà vẫn có hoa mai. Dù hấn không thích chiến tranh nhưng hấn cũng vẫn có mặt trong guồng

máy, và chấp nhận để trở thành một người lính trận.

oOo

Bây giờ, chúng tôi là kẻ sống sót. Đáng lẽ chúng tôi phải sợ nhìn lại quá khứ, sợ nhắc lại màu áo trận xưa. Đáng lẽ chúng tôi phải thoát mồ hôi hột khi nhớ lại một thời mà con kiến cũng không lọt được bom đạn, để mà cố hưởng cuộc sống mới ở cái xứ mà hầu hết mọi người trên quả địa cầu này đều mơ tưởng: *American dream*. Nhưng tại sao, chúng tôi vẫn nhớ đến hôm qua. Nhớ như nhớ một cái gì không còn tìm được. Nhớ trong khi người ta cố lãng quên. Nhớ để như hôm nay, trời lạnh, ta mang lại chiếc áo jacket màu *olive* để đến sở, để trùm cái mũ đội đầu như ngày xưa ta vẫn từng trùm vào những đêm trên Trường Sơn. Và đôi khi mất phải mồ đi khi xe ta qua một ngọn đồi sương mù dày đặc. Nhớ như thế nhớ một tình nhân đầu đời.

Vì sao? Vì danh vọng, hay địa vị hay quyền

lực để mà nuôi tiếc? Không. Ta là cấp thấp, một sĩ quan cấp úy nhỏ nhoi, chỉ chỉ huy một trung đội tối đa 20 người. Hay là tại vì đời lính tang bồng hồ thỉ, màu áo hoa dù, nhiều em gái hậu phương. Còn khuya. Những vũng bùn sinh vẫn còn ngập lụt giao thông hào. Đạn trái phá vẫn như còn gào thét bên tai chưa kịp hoảng hồn thì tiếp đến mưa đạn trái pháo khác.

Thì vì sao?

Phải, ta biết rồi. Vì không có mái nhà nào đây tình nghĩa như mái nhà hôm qua. Vì trong cõi hoạn nạn vẫn còn nở những nụ hoa, trong cõi lầm than vẫn còn thấy những điều hạnh phúc. Vì ta được sống ở đây, đâu phải số nghiệp của ta, mà là nhờ ta đã mang cái màu áo trận của một thời.

Vì sao. Vì trong máu huyết của chúng tôi, chất lính vẫn còn chảy đậm. Nó giúp chúng tôi vươn lên sau những lần ngã quỵ.

Vì sao. Vì có những bạn bè đồng đội, và cấp chỉ huy của chúng tôi đã mở chốt lựu đạn, đã lấy súng kê vào mòng tang của họ để bóp cò. Họ đã làm chúng tôi phải tự hào được mang

cùng một màu áo...

Vì sao. Vì càng ngày chúng tôi càng hiểu rằng, việc chiến đấu của chúng tôi là đúng. Cho dù chúng tôi là kẻ thua trận.

Nhưng than ôi, chúng tôi chỉ thật sự *mở mắt, đã sáng mắt* sau khi miền Nam mà chúng tôi bảo vệ bị khai tử. Khi thăm thía được câu: *Tôi bước đi không thấy phố thấy nhà chỉ thấy mưta sa trên nền cờ đỏ* thì miền Nam đã trở thành một xác chết.

Bây giờ chúng tôi đã mất hết, may chỉ còn lại cái danh dự của một con người. Danh dự đã nuôi dưỡng chúng tôi, giúp chúng tôi còn đứng thẳng mà không hổ thẹn với con cháu và người bản xứ.

Danh dự của một người cựu sĩ quan trẻ tốt nghiệp trường Bộ Binh Thủ Đức. Vì chúng tôi đã chu toàn bốn phận rất khiêm nhường của một người lính. Chúng tôi đâu có để nơi chúng tôi gìn giữ bị mất. Chúng tôi đâu có để pháo địch bắn vào thành phố khi chúng tôi được lệnh bảo vệ vòng đai. Chúng tôi không có ra lệnh rút lui mà chỉ ra lệnh xung phong chiếm mục tiêu. Chúng tôi không bao

giờ cãi lệnh dù cái lệnh ấy là cái lệnh thí quân ngu xuẩn. Chúng tôi đã đánh giặc với trái tim đầy nhân bản. Chúng tôi không hổ thẹn bỏ rơi đồng đội. Chúng tôi đã ngẩng đầu khinh mạn dù chúng tôi ở trong tù tội... Chúng tôi cũng mang trên vai những tấn nợ như cả miền Nam đã mang. Chúng tôi cũng đã vác thập tự giá trên những triền đá sắc của quê hương đất nước như cả một thế hệ đã vác.

oOo

Chúng tôi là những người tốt nghiệp từ Thủ Đức, một quân trường đào tạo trung đội trưởng bộ binh trong vòng chín tháng. Nó là nơi mà một ngài cựu đại tá tâm sự là sợ phải đâm lưỡi lê vào tim người nên không dám đầu quân vào bộ binh. "Đầu tiên, tôi được lệnh đi khoá Một Nam Định. Nhưng nghĩ lại cái cảnh phải mang súng trường gắn lưỡi lê đâm vào tim người cho dù là hình nhân đi nữa, tôi phát sợ. Cuối cùng tôi đầu quân vào đơn vị khác. Dầu là hiện dịch, nhưng chắc

ăn". Nó cũng là nơi mà một cựu thiếu tá phải thú thật rằng, lý do ông không vào Thủ Đức bởi vì ông sợ chết... Thủ Đức chết nhiều quá...

Vị đại tá kia có lý của ông. Bởi tâm ông là tâm hiền. Không thể bắt ông cầm súng gắn lưỡi lê để đâm vào tim người được. Cũng như vị thiếu tá kia. Ông đã dám nói thật. Thật về cái ý nghĩ, tâm trạng thầm kín nhất giữa lúc người ta không dám nói.

Và đó là lý do chúng tôi phải tự hào thêm một lần nữa. Chúng tôi đã chấp nhận đến một quân trường mà hai ông sĩ quan cấp tá đã sợ và tìm cách xa lánh. Nó là nơi mà chúng tôi, những người cùng chung một số phận, chung một định mệnh, đã nương tựa lẫn nhau, đã chia xẻ cùng nhau cái nghiệp của người thanh niên trong thời loạn.

Nhưng ai có thể dám nói rằng, những thầy giáo, những kỹ sư, sinh viên hay những kẻ thi rớt tú tài 2 là những kẻ khi đánh giặc thì ở đằng sau, khi tan hàng thì chạy trước ?

Xin hãy đọc dùm những hàng sau đây viết về ngày cuối cùng ở trường Bộ Binh Thủ

Đức để hiểu rõ hơn:

"...Chiếc T54 bắn một hồi rồi di chuyển về phía cổng số 9. Nhưng cổng này đã bị 4 chiếc xe đầu chặn ngang đường. Nó lại chạy ra cổng số 1." Nó chạy ra kia." Một sinh viên sĩ quan la lên. Các tổ M72 thi nhau nhả đạn. Chiếc chiến xa T54 lần này cũng may mắn không bị cháy nhưng bị đứt xích, nó cố gắng lết ra đến Niệm Phật Đường Quảng Đức Chợ Nhỏ quay pháo tháp vào trong trường và nhả đạn như mưa.

Trước tình hình nan giải này, hai khóa sinh chưa được gắn cấp hiệu alpha, đã tình nguyện mỗi người mang 4 trái lựu đạn lân tinh bò ra tiêu diệt chiến xa địch. Họ đã bò qua mấy đường hầm ở Chợ Nhỏ tiến về phía sau Niệm Phật Đường cạnh chiếc T54 vẫn đang nhả đạn vào trường. Bỗng một quả cầu lửa nổ tung, tiếng nổ long trời, một cột khói đen hùng hực bốc lên như hàng chục trái mìn chống chiến xa cùng nổ một lúc. Tiếng reo hò vang lên từ những vị trí phòng thủ: "Chiến xa cháy rồi. Nó cháy rồi." "

(trích *Ngày Cuối cùng tại trường Sĩ quan Thủ Đức* của Minh Tân Lê Quảng Trị, KBC số 22)

oOo

... Đêm đầu tiên tại ngôi trường lính là đêm xuống tóc. Đêm vĩnh biệt cuộc đời dân sự, chào tay tự do muôn năm, giã từ những đám mây bồng bồng của tuổi trẻ. Ôi những sợi tóc xanh của một thời mộng mị, xanh mướt cơn mơ, mà cũng đầy những màu buồn bã của một thế hệ chiến tranh, với một vài sợi trở thành bạc trắng, lẻ loi, ngơ ngác làm sao. Những mái tóc đã một thời chải chuốt, trang điểm cùng đời. Những đầu tóc đã một thời để dài nổi loạn. Những dấu vết thanh niên ngâm ngùi từng cuộn, từng đám bay xuống thềm, rụng xuống đất, hay vương vít trên chiếc khăn trắng choàng quanh cổ. Ai buồn ai vui ai trong đêm xuống tóc. Ai nhỏ lệ ai mừng vui ai hãnh diện ai cợt đùa. Chiếc tông đơ tàn nhẫn ủi rạp, cắt ngang không thương

không xót. Không cần nhìn vào tấm gương cũng biết hình bóng ta như thế nào. Bởi ta đã thấy ta qua những người bạn cùng cảnh ngộ. Kỳ lạ. Kỳ lạ. Ta không muốn nhưng ta vẫn chào thua. Ta không thích nhưng ta vẫn bị ép. Ta cúi đầu, nhìn tóc ta nằm tung vãi tội tình. Ta mặc niệm một thời trên những sợi đen như mun, như hờn ta cũng đầy những bãi mờ nhang khói. Tóc ơi. Tóc ta để dài như đời ta buông thả. Tóc ta biếng lười ử rữ như nổi chán chường nôn mửa hiện sinh. Thế mà bây giờ, như thế đấy. Không cần biết ta là ai. Không cần tôn trọng ta là ai. Ta đã không còn là ta nữa.

Đêm đầu tiên lạ lùng làm sao. Sự thay đổi đến kỳ cục. Từ một thế giới bao la mênh mông, ta phải chạm trán một thế giới tù túng, chật chội, rập khuôn của tập thể. Ngoài đời, ta chỉ biết có ta, không cần nhớ số kiểm tra, căn cước, khai sinh, ngày sinh tháng đẻ. Nhưng ở đây ta bắt đầu phải nhớ. Đó là số quân. Số quân là ta. Ta là số quân. Ta phải dùng nó khi trình diện. Ta phải khắc nó vào

thẻ bài. Ta phải nhớ nằm lòng khi gặp cán bộ. Ta chính là cái máy có nhãn hiệu không phải nhãn hiệu con người mà nhãn hiệu đây những con số. Sự thay đổi khiến ta trở thành thụ động. Thụ động và chấp nhận. Không cần biết cái lệnh kia đúng hay sai. Thi hành trước khiêu nại sau. Không cần biết lý lịch căn gốc, không cần biết bạn là kỹ sư tôi là thầy giáo, bạn là kẻ tình nguyện và tôi được hoãn dịch nhiều lần. Không cần biết bạn có lý tưởng ngút trời còn tôi thì Ta hồng tú tài, ta đợi ngày đi đau lòng ta muốn khóc...

Rồi chúng ta được phát quân trang, quân dụng. Rồi được chích thuốc làm quen mưa quen nắng. Chỉ chích một lần. Nhưng là một lần để đời. Cả đêm thuốc hành đến nóng sốt, và mấy ngày thuốc làm vạt vả làm vết chích sưng đỏ cả cánh tay. Rồi, những thằng lính mới tồ te, trong những bộ quần áo khác cỡ, rộng thùng thình, đội chiếc mũ beret đen, bắt đầu xuất hiện, bên cạnh những người sinh viên khoá đàn anh. Rồi những lần chào tay rụt rè lúng túng. Rồi dần dần ta càng biết thêm về ngôi trường. Về chín cổng quân

trường, về F(Phòng), K(Khu), B(Bãi), khu thiết giáp, trại gia binh, hội quán sĩ quan, 301, chỗ nào dễ dàng chui rào trốn trại...Ta mới khám phá cả những dịch vụ âm thầm mà mạnh mẽ nhắm vào ta. Từ hút tóc, sửa quần áo, giặt ủi, hay ăn uống, nhậu nhẹt, ghi sổ trừ lương.

Ta mới biết chị Năm, chị Tám, những người tiên phong trong việc phát minh và áp dụng thể thiếu chịu trên hoàn cầu bằng những cuốn vở mà chúng ta quen gọi là những trang nợ đời. Họ không tốt nghiệp trường kinh tế tài chánh nào, nhưng họ đã biết rõ thói quen của con người. Ăn trước tính sau. Họ cũng biết chắc là không ai có thể quịt nợ họ được. Bởi vì họ đã nắm chắc cái cán là tiền lương của đám sinh viên chúng ta. Họ ngọt ngào lắm, dễ thương lắm, con gái họ cũng xinh lắm. Họ nấu cơm tháng cho những sinh viên trưởng giả. Họ cung cấp bia rượu dù ở đây chúng ta không được phép dùng. Họ còn biết rõ hôm nay đại đội nào đi bãi, ở bãi nào, để họ tặng phái đội quân bán hàng rong. Họ biết rõ hơn ai tánh tình từng ông

cán bộ, hay huấn luyện viên. Họ hiệp cùng Ban quân lương thẳng tay trừ nợ sinh viên không thương xót. Họ đã đi vào đời sống của chúng ta từ khoá này qua khoá khác. Cần gì mơ được nổi danh, nổi tiếng, hay nhiều người biết. Chị Tư, chị Năm, chị Tám, ai lại không biết, và ai lại không bồi hồi khi nhắc lại những bà chị sẵn sàng cho chúng ta ăn uống thả dàn, ghi sổ thả cửa. Để ta còn tìm lại những gì đã mất sau khi vào trường lính. Trong bóng lờ mờ của ánh điện vàng, bóng ta bóng bạn lay động trên vách. Thủ Đức đây áp gió. Những ngọn gió từ khắp hết trời quê hương. Để đêm nay, gió làm mái tóc cô hàng tung toé. Ta mang gió cho cô hay là cô mang gió cho ta. Ôi, những ngọn gió quân trường. Càng lên cao càng lộng. Gió cuốn bụi đỏ trên bãi bắn hay bãi bò hỏa lực. Gió làm lá cao su trên đồi rụng đây. Gió đã đẩy đưa những định mệnh có cùng một mẫu số chung, góp lại thành bão. Bão là sức mạnh. Quân đội nói thế. Nhưng ta thì chẳng cần những mỹ từ dân vận tâm lý chiến ấy. Ta chỉ cần: *Ta mang gió núi miền Trung lại. Em thổi*

*dùm ta một mảnh tình. Đôi khi thấy lá vàng
Nhơn Phú. Ngõ hờn mình hiu hắt vàng thu.*
Như vậy, ta cần phải cảm tạ một chỗ bên đời
gian khổ. Dù chỉ là một hai tiếng đồng hồ
được quyền tự do sau giờ ăn, ta vẫn không
quên la cà những quán bên đường trong khu
Thiết Giáp. Để ta còn khuấy cốc xây chùng,
để ta còn uống thêm nét buồn vời vợi, để em
còn ghi tên ta trên cuốn sổ nợ đoạn trường
trước khi ta xuống núi.

Còn nữa. Còn hội quán sinh viên sĩ quan
rộng mênh mông. Nơi cà phê không ngon
không vị, nhưng có cô hàng có bờ lông măng
rất mượt, khiến mỗi lần nhìn mỗi lần động
đậy tà dâm. Em không cho ta ghi sổ nhưng
em đã cho ta ghi em, một bóng hồng rất
hiếm muộn tại ngôi trường lính.. Em của
ngày xưa, ba mươi năm về trước. Xin em cho
ta được trở về một thời tuổi trẻ. Ta sẽ gắng
nhớ, gắng cảm nhận những giọt mồ hôi vàng.
Những giọt mồ hôi vàng đọng lóng lánh trên
vàng trán của bạn bè ta dưới vành nón sắt.
Để ta còn thấy ta, thấy cả bè bạn. Em có
thấy trên vách tấm tranh vĩ đại mà khoá đàn

anh ta đã về không?. Màu đỏ. Màu đen. Người sinh viên bắn cung. Ta nghe ai nói người họa sĩ kia đã tử trận. Thì ta đang tiếp anh ta đây.

Ta đang nhớ về Thủ Đức như bạn ta đang nhớ. Có phải đêm qua gió quá dữ để bãi bắn rụng đầy lá cao su. Và quân trường những cơn mưa lá ngâu đã rụng xuống doanh trại. Gió lộng như từ tứ phương tụ hội về đồi. Gió mang suốt ngày khắp nơi vang vang lời ca *Đường trường xa* và nhịp đếm Một Hai Ba Bốn. Ô hay, ta gầy còm, trên dưới 40 ký, thế mà cũng chịu đựng được sao. *Quân trường đổ mồ hôi. Chiến trường bớt đổ máu.* Kinh nhật tụng cho giai đoạn một. Tay ta trói gà không chặt mà đòi đánh một hai. Hai chân ta đôi khi luống cuống, bước không đúng nhịp mà đòi đi diễn hành cuối khoá. Ta tập quay trái, quay phải, quay đằng sau. Chân trái phải xô dịch như thế nào, chân phải phải quay ra làm sao. 90 độ. Phải rón tập trung trí óc. Chụm chân lại. Rồi quay 90 độ. Phải rón nghĩ trong đầu. Khi đi phải bắt đầu bằng

chân trái. Rán mà nhớ. Ta chẳng khác một tên học trò lúc nào cũng bị ám ảnh bởi cái roi mây của thầy. Ngày nhỏ, ta tập lính bước một hai, khẩu súng là cuống chuối hay khúc gỗ mang lên vai. Bây giờ, ta cũng vậy. Vẫn là một trò chơi bất tận. Nhưng thời nhỏ dại ấy lại quá dễ dàng, có sao bây giờ lại quá khó. Bằng chứng là ta bị phạt liên miên.

Bây giờ, quá xa, quá lâu để mà nhớ về những ngày tháng cũ, nhưng hình như bên tai ta vẫn còn văng vẳng tiếng hát vang lừng từ một góc trời Tăng Nhơn Phú. Cám ơn nó, bởi vì nó khiến lòng ta ấm lại giữa lúc tiếng gọi òa chiều đã đục. Không biết tới chuyến nào sẽ chờ đời ta qua bên sông cô tịch. May mà tiếng hát nào như gió bão đánh bạt cái ý nghĩ đen tối bi quan. Ta đã đứng dậy đến bên khung cửa. Dưới ánh điện đường trong một đêm về sáng, ta thấy lại một vũ đình trường, với những ống đạn pháo binh sơn trắng bao quanh, ta thấy lại những đại đội đang xuôi ngược diễn hành. Có khi hai đại đội cùng di chuyển đối đầu nhau, và một bên dậm chân tại chỗ, chờ bên kia vượt qua. Không ai bận

tâm lấy ai. Phải nhìn thẳng. Phải ca phải hát. Lính phải hùng. Gió làm lời ca bay bổng trên chín cổng, vang khắp bãi đồi. Khi hai chân ta bước nhịp, hai tay ta đánh theo, miệng ta cất lời, thì bạn ta cũng vậy. Tất cả sẽ tạo nên một tập thể đồng nhất, tiến về phía trước. Trời ơi, cả một rừng cờ sắc áo như thế, khoá này tiếp đến khoá khác, biết bao nhiêu bước chân tập tành để chuẩn bị cho một cuộc lên đường, để rồi, vũ đình trường giờ đây chỉ còn lại một bãi mồ hoang phế. Tiếng ca hùng tráng ngày ấy đâu rồi. Tiếng hát đã một lần lồng lộng cùng lá cờ giữa sân ngôi trường lính ngày ấy đâu rồi. Cổ họng ta đã một thời gào to cùng tiếng ca lời hát, thế mà bây giờ nó nuốt vào đến nghẹn những bài hát kỳ lạ, lạ kỳ. Những bài hát của kẻ thắng trận. Hãy quên. Hãy quên. Làm sao ta có thể quên được. Họ vẫn cho ta ăn dù khẩu phần còn thua một con chó. Họ vẫn cho ta làm, họ vẫn cho ta hát ca... *Bão nổi lên rồi*. Chỉ nhớ bốn chữ. Kẻ thua trận hát về trận bão cuốn lốc đồi hấn, bắt hấn phải bị đày đọa mất nhà mất cửa, xa vợ xa con. Kẻ thua trận gân cổ ca

Giải phóng miền Nam... Chỉ nhớ nổi 4 chữ. Hãy quên. Người ta cấm ta hát ta ca, nên ta mới không bao giờ quên những lời ca tiếng hát đã dạy ta khôn lớn. Như vậy ta làm sao quên được.

Trong một đêm về sáng, ta nghe tiếng động bên ngoài. Có lẽ trời đã nổi gió. Xứ người. Ta đang ở xứ người. Ta không có gì để mơ ước nữa. Nhưng rõ ràng tại sao hồn ta lại trôi dạt về một phương nào. Về một nơi đã dạy ta, trui rèn ta, ít ra, sức mạnh về sự tự tin, để ta còn dùng nó trong những ngày đen tối nhất.

Bởi vì, ta biết ta sẽ làm được, như đã từng mang khẩu garat nặng nề, như đã từng bò hỏa lực, leo dây tử thần, hay di chuyển bộ hàng bao cây số trong khi thân ta chỉ là ngọn cỏ ngọn lau. Ta có thể làm được, bởi mưa và nắng Tăng Nhơn Phú đã làm da ta đen và dày dặn hơn, để ta làm quen với mưa và nắng của kiếp đời lính tráng và tù tội.

Ngày còn dân sự, mỗi lần gặp mưa là ta ho ta cảm. Khi trời mưa bão thì ta ngại ta chùn.

Nhưng quân trường đã dạy ta, cứ lao vào, lao mạnh vào, bất chấp, càng mưa bão, ta càng khinh mạn, càng sấm sét ầm ầm, ta càng lạnh lùng. Cảm tạ hai mùa mưa nắng, dạy ta gian truân để ta mới vượt qua bao nhiêu thử thách. Không thể ngờ một gã thư sinh, đôi mắt cận 7 độ, gầy như que củi, mang bộ đồ trận như mang cái bao tải, vậy mà đã đi thứ lính thám kích chuyên nhảy điều hâu bất mồi. Không ngờ ta đã vượt qua tất cả những khó khăn như mọi người. Không ngờ ta không bỏ cuộc. Cảm ơn trường lính dù không bao giờ ta muốn nó. Cảm ơn nó đã bỏ đôi giày nhà binh nặng trĩu như hai hòn đá vào hai bàn chân ta, bỏ khẩu súng thép lên vai ta, cái ba lô và những sợi dây đạn trên lưng ta, chiếc nón sắt trên đầu ta, để ta được làm quen với nổi nhọc nhằn của chung một thế hệ. Cảm ơn trường lính, ít ra, những cơn mưa vùn vũ xối xả trên những bãi bắn, bãi tập kia, đã giúp ta còn đứng vững cùng những thử thách lớn lao hơn, ghê rợn hơn từ những cơn mưa oan khiên của Trường Sơn và của rừng khố sai biên giới. Cái thử thách của

trường lính đã tích lũy lại trong da thịt, trong buồng tim buồng phổi để mình "tự thắng" lấy mình. Học nhẫn nhục. Học chịu đựng. Để rồi sau này, khi nằm trong tù tội, ta lại thêm một lần mang bài học này ra áp dụng trước những cơn bão cuồng điên của kẻ chiến thắng.

Trời lại nổi gió. *Sleepy Hollow*, trũng ngủ, nhưng ta đang thức. Gió đã cuốn cát bụi bãi biển làm che mờ tầm nhắm vào lỗ chiếu môn. Gió làm bật những chiếc áo mưa lính, lất phất khi ta ngồi trên bãi học bài học về địa hình, hay phục kích. Gió làm cát vũ đình trường bay cuồn cuộn khi đại đội di chuyển qua sân cờ. Gió đẩy đưa những kẻ lạ lẫm nay lại được quen biết nhau. Bạn từ Sóc Trăng, ta từ Huế. Bạn nguyên là Thiếu sinh quân. Ta là giáo sư. Bạn hiền như cục đất, da trắng như con gái. còn ta cận thị, gầy ròm. Để rồi bạn nằm giường trên ta nằm giường dưới. Để rồi tự nhiên ta với bạn cùng chung trung đội, cùng bị phạt dã chiến chung, hít đất nhảy xỏm chung... Để rồi ta được cơ duyên được

quen bao nhiêu người khác, đến từ khắp nơi khắp chốn.

Đến để mà bỏ một phần đời trong đây. Đến để thừa hưởng từ khoá đàn anh, chiếc giường sắt, cái tủ đứng, khẩu súng trường. Đến để tiếp tục những gì như khoá đàn anh hôm qua đã trải qua. Và hết ngàn người này đến ngàn người khác, cho một trò chơi triền miên bất tận. Không biết chiếc giường ta đang nằm, ngày trước có một người đã từng nằm, anh ta còn sống hay đã nằm xuống vĩnh viễn. Không biết bao nhiêu người đã có mặt trong phòng này và bao nhiêu người đã ra đi. Đôi khi trong đêm ta thức giấc, thấy vầng trăng hiện ngoài khung cửa phòng, sáng vàng vạc, bỗng nhiên nhớ đến hai câu thơ Chinh phụ ngâm: *Chàng từ khi vào nơi gió cát. Đêm trăng này nghĩ mát phương nao.* Rồi ta cũng sẽ trở thành nhân vật *chàng* ấy, như tất cả những người đã có mặt tại nơi này. Có điều khác với người xưa, có người vợ, có người tình, có người lo sợ, còn *chàng* hôm nay, không có gì hết. Cuộc chiến tranh này quả là mất dạy nhất, chó đẻ nhất. Nó làm cha mẹ

ta phải xa lìa mỗi người một ngã. Nó lại làm ta và em lại không được gần gũi nhau. Khi mà em cứ xem ta là lính đánh thuê, thì ta còn ai để mà làm kẻ chinh phụ. Khi mà tâm trí em chỉ biết mơ đến hoàng tử hay những ngài khoa bảng, kỹ sư, bác sĩ, giáo sư đại học, luật sư... thì có ai còn khóc dùm ta một giọt lệ thừa... Trong những đêm trăng như thế, tự nhiên lòng ta yếu mềm. Ta thèm những tiếng ngáy, tiếng thở của bạn ta. Ta ao ước được nghe tiếng hát trong máy thu thanh. Ta ao ước được mở đèn đọc một trang sách mới... Ta thèm được ngồi vào bàn và viết. Nhưng ta đành bó tay. Rõ ràng ở đây không còn quyền cá nhân nữa.

Bây giờ ta mới thấm thía được thế nào là mùi quân đội, là cái gian khổ của người lính mà từ lâu ta không thể hình dung ra nổi. Ta mới hiểu được khẩu Garant là nặng như thế nào. Cái ba lô, nón sắt, dây nịt đạn, đôi giày trận là nặng như thế nào. Ta chạy lên dốc mà hai chân như quị xuống, để hiểu rằng, có những người lính binh nhất binh nhì, những khinh

binh, những người mang đại liên, súng cối, họ còn cực gấp trăm ngàn lần hơn ta nữa. Khi ta đi hành từ trường ra bãi, trên lưng trên vai chỉ bấy nhiêu thứ như poncho, dây đạn, khẩu súng trường, mà ta thở hồng hộc, mà mồ hôi đổ ra như tắm để hiểu rằng dưới ta, có những người lính cấp bậc thấp, chiếc ba lô còn có cả mười mấy ngày lương khô gạo, áo quần, hai lần cấp số đạn, lựu đạn... còn nặng gấp chục lần hơn những gì ta đang mang nữa. Những con cá mỗi bất tận ở nhà bàn vẫn còn quý gấp trăm lần chiếc lon guigoz âm áp nước mưa của người lính ngoài chiến trận. Ta chỉ di chuyển một hai cây số mà đã mỏi mê, trong khi những người lính ngoài tiền tuyến thì hết ngày này sang ngày khác...

Bây giờ khẩu garant ta mang trên vai

Bây giờ khẩu trung liên bar ta mang trên vai

Ta mới biết rằng những thỏi sắt đó nặng như thế

Ta mới biết rằng trong cuộc đời dạy học ta là một thằng dốt nát

Trong mười mấy năm ta làm bao nhiêu tội lỗi

*Trong mười mấy năm ta không nói cho học
trò ta biết*

Anh em ta và quê hương ta

Vác những thỏi sắt nặng như thế

Từ bao nhiêu năm nay

*Bây giờ nằm kích ở ven ruộng sương xuống
ướt vai*

*Bây giờ đứng gác đêm ở rừng già gió lạnh
thấu xương*

Ta mới biết rằng sương lạnh như thế

Ta mới biết rằng gió lạnh như thế

Ta muốn kêu to lên ta là một thằng dốt nát

*(Xin lỗi về những nhầm lẫn dĩ vãng, Nguyễn
Sa)*

Bây giờ ta mới hiểu thế nào là tập thể. Ta biết thế nào là tiểu đội trung đội đại đội. Ta trần truồng như nhộng trong nhà tắm chung. Ta vừa đi một hai như chú lính tồ te vừa hát bài Lục quân Việt Nam. Hai tay ta quì xuống, mông ta nằm rạp xuống tuyệt vọng khi ta bị phạt cả trăm lần hít đất nháy xỏm. Ta bị phạt chạy vòng vòng quanh sân đại đội, vừa chạy vừa gào. Ta bị đánh thức trong

đêm, hoảng hốt cuống cuồng, nghe tứ phương rầm rập bước chân, nghe tiếng còi ré lên trong đêm đen tối, để năm phút là phải sẵn sàng trình diện. Để ba lô nón sắt, súng trường, đạn dược được khám xét. Rồi sẽ có kẻ bị phạt dã chiến vì tội lơ quên... Trong bóng tối, ta mang kiếng nhìn ta, nhìn bạn bè. Những bóng người mờ mờ ẩ ẩ. Đêm đôi Tăng Nhơn Phú lạnh lạnh. Cái lạnh khiến ta thèm được nhấp hớp cà phê và đốt thuốc. Nhưng ở đây cái lạnh lại kèm theo cái lo. Lo cán bộ xét khám dây giày ta chưa buộc, cấp số đạn ta mang không đủ, thẻ bài ta bỏ quên... Ta mới sợ những cơn mưa và cái nắng nung người. Sẽ không còn là những hạt mưa tháng sáu của Nguyên Sa:

*Tháng sáu trời mưa, em có nghe mưa xuống
Trời không mưa em có lạy trời mưa ?
Anh vẫn xin mưa phong tỏa đường về
Anh vẫn cầu mưa mặc dầu mây ảm đạm*

Bởi vì đôi giày ta cần phải bóng loáng như

mặt gương. Ta mới hiểu thế nào là lạnh, rét, là tâm nhìn hạn chế... Ôi cơn mưa Tăng Nhơn Phú, xoá mờ bãi biển, run rẩy những hàng cây cao su như những con ngựa rồ bồm. Ta mới biết thế nào là bò hỏa lực, bò sắp bò ngựa dưới trời mưa hay dưới cái nắng cháy người. Thế nào giọt nước mưa hoà cả mồ hôi và bụi đất của đời của bãi. Thế nào là nòng súng, cơ bẫy được giữ gìn cho khỏi dính bụi dính nước. Thế nào là giọt nước che mờ tròng kính. Trường lính. Ta sợ gian truân nhưng ta lại phải tập tành cùng gian truân. Hồi em, người em Sài Gòn ta không biết, không quen, mà sao ta lại thầm thì: Xin em hãy nghe dùm ta mưa nặng hay không. Xin em hãy mang dùm ta chiếc áo mưa màu tím hoa cà, và để đầu trần mưa đọng đầm lóng lánh. Ta còn mấy tuần huấn nhục nữa, rồi ta được khoá đàn anh gắn alpha. Rồi ta sẽ được đi phép, sẽ xin phép được về thăm em...

Thời gian giai đoạn Một, có lẽ là thời gian huấn nhục. Thấy đàn anh phải chào tay. Thấy cán bộ phải chào tay. Chào bắt mỗi. Và

những đêm khám xét hầu như thường trực xảy ra. Và những lần hít đất nhảy xồm thì như hai món ăn chơi. Và những lần ta bị xài xể từ cán bộ, mà chỉ biết cắn răng. Trời ơi, cái tôi của ta, cái tôi mà cha mẹ ta đã nung niu chiều chuộng, cái tôi mà khi ta nóng sốt, người thân của ta phải hốt hoảng cuống cuồng, bây giờ như thế đó... Cái tôi giáo sư, kỹ sư, tiến sĩ, hay những ông đồ...

Nói về một ngôi trường là nói về những kỷ niệm. Kỷ niệm với bạn bè, thầy cô. Kỷ niệm về những ngày tháng vô tư ngây dại hay hoang nghịch của tuổi thiếu thời. Nhưng với một ngôi trường chiến tranh, kỷ niệm chỉ là những mờ hôi gian khổ, những khối nặng mang trên mình, thì có gì để mà nhắc nhở. Không phải vậy. Phải nhớ. Nhớ bởi vì, nó khởi đầu cho một cái nhìn khác, suy nghĩ khác.

Ta đã từng cầm súng gác đêm tại lô cốt số 6.
*Đêm nay hết một năm. Lại gác đêm giao thừa.
Quê hương chừng rét lắm. Lát phát dưới làn
mưa...*Bây giờ ta mới thấm thía được ý nghĩa

của những câu thơ mà ta không nhớ hết. Thời còn dân sự, ta chỉ biết thưởng ngoạn nó, nhưng không cảm nhận nó. Bây giờ ta đang ở trong cuộc, ta cũng cảm sùng canh gác, trời cũng lất phất mưa. Quê hương chừng rét lắm. Tâm hồn ta bỗng nhiên lớn hơn, bao la hơn. Ta bay bổng khắp quê hương. Ta như người phi công trong một chuyến bay đêm, hãnh diện nhìn quả đất. Bây giờ ta mới hiểu tại sao người thơ lại dùng chữ lại, thay vì chữ được. Được mang ý nghĩa của niềm hãnh diện. Lại có ý nghĩa là sự bắt buộc, là phải tuân hành. Nhưng tuân hành không phải là không làm tròn nhiệm vụ. Có lẽ quân đội chỉ cần người tuân hành. Bởi thế kỷ luật là sức mạnh, người ta luôn luôn nhắc nhở như thế. Nhưng tuân hành không phải để trở thành nô bộc. Người ta không thể lạm dụng hai chữ kỷ luật để bắt kẻ thuộc cấp trở thành nô lệ, nô bộc. Sau này tôi đã hiểu rõ hơn về cái lạm dụng này. Khi người sinh viên chúng tôi được lệnh phải đánh giày thật bóng, xếp drap xếp mền thật kỹ, dọn tủ quần áo thật ngăn nắp, có nghĩa là chúng tôi được học bài học

là một người sĩ quan, trước hết anh phải làm gương cho kẻ khác. Anh phải dẫn thân trước hết. Làm sao tôi có thể biết là ngoài thực tế, có một vài đơn vị trưởng được xem như ông vua nhỏ. Ngay cả một trung đội trưởng với cấp số trên dưới hai mươi người, còn được cấp một người mang gạo, nấu ăn, chẳng khác một người hầu không công, hưởng hồ đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng, trung đoàn trưởng. Chẳng những cho các ông mà còn cho vợ con các ông nữa. Thiên hạ sợ các ông, bởi vì dưới trướng của ông là súng ống, và binh sĩ, là đám cận vệ luôn luôn chứng tỏ trung thành tuyệt đối. Làm sao tôi biết, những người hầu kia, đã từng bị cấp chỉ huy bạt tai, đá dít vì đã quên đánh giày, hay giặt quần giặt áo, giặt tất cho ông thầy hay để xe các ông bị dơ bẩn. Làm sao tôi có thể hiểu khi trường lính huấn luyện tôi phải một mình tự lực vươn lên, đừng bê tha cầu thả, thì ngoài đơn vị, tôi trở thành thầy chủ. Con người khi sinh ra đều được bình đẳng. Không thể có tớ có thầy. Có phải vậy không?

Chúng tôi đã được huấn luyện để làm quen với cam khổ. Từ cam khổ con người mới hiểu được cái cam khổ của người khác. Chúng tôi đã được huấn luyện để hiểu thế nào là sức mạnh của kỷ luật. Từ kỷ luật chúng tôi mới có thể làm kẻ lãnh đạo chỉ huy. Nhưng trên thực tế, kỷ luật là con dao hai lưỡi. Nó tạo nên độc tài, độc tôn. Nó không cho kẻ dưới cấp được quyền nói lên tiếng nói. Nó dùng lon cấp để ra lệnh, mà người thuộc cấp không cần biết cái lệnh ấy hợp lý hay không hợp lý, đúng hoặc sai. Ta phải nhắm mắt.

Nhưng người Thủ Đức không phải chỉ biết nhắm mắt trong mọi trường hợp. Như trường hợp sau đây của một chuẩn úy khi anh yêu cầu đại bàng tản thương người chết và người bị thương ra khỏi vùng đẽ rồi sau đó nhận được những lời của vị chỉ huy mặt trận:

...Tôi cầm tay Thảo. Cả tay chân anh mềm nhũn, hai mắt thâm đen và anh cũng không còn thấy được nữa. Hơi thở thoi thóp, miệng lắp bắp: "Thái ơi, Thái ơi ba chết!". Tôi lắc khẽ vai anh. "Thảo, Viện đây. Anh không sao

đâu, trực thăng sẽ đưa anh về quân y viện ngay. Cố gắng lên!". "Thái ơi, Thái ơi! Ba chết!". Thảo cứ gọi tên đứa con trai mà anh cưng nhất của mình, hơi thở mòn dần, và anh đã trút hơi thở sau cùng lúc 10 giờ 15 phút sáng ngày 01 tháng 3 năm 1970.

Thảo chết, Trung sĩ Trai bị thương với 4 người lính khác. Tôi báo ngay về trung tâm chỉ huy hành quân tại chi khu và yêu cầu phương tiện tản thương. Bạch Hổ bảo đã báo tiểu khu và chờ. Mặt khác, lại ra lệnh:

- Đại bàng chỉ định Victor(Viện) quyền Dzũng Chinh, điều động các đứa con tiến chiếm các mục tiêu còn lại. Để một chám(tiểu đội) ở lại trông chừng số "kítô" (người chết), "whisky" (người bị thương).

Tôi trả lời qua máy là, không đồng ý bỏ lại dọc đường Dzũng Chinh và mấy đứa con bị thương bởi em út họ không chịu đi nếu như việc tản thương không được thực hiện nhanh chóng. Bạch Hổ thông báo với Đại Bàng. Ông Đại Bàng bay lên vùng, và liên lạc thẳng với tôi:

- Đ.M, tôi ra lệnh cho Dzũng Chinh phải tiến quân. Đ.M cứ bỏ thẳng "kilô" (người chết), với đám whisky(người bị thương) lại đó sẽ có chuồn chuồn đến bốc. Bây giờ đám điều hâu đã vỗ cánh lên vùng, tất cả ưu tiên cho "Delta-Quebec" (đổ quân)... Đ.M chú thi hành hay không? Đ.M tôi đưa ra toà án mặt trận bây giờ.

Tôi nóng ran cả mặt. Một tư lệnh cuộc hành quân mà giải quyết sự việc với những tính toán và ngôn ngữ như vậy khiến tôi bất bình, và chẳng hiểu xuất phát từ đâu, tôi đã nói qua máy:

- Đ.M đại bàng chớ đại bàng đừng ĐM tôi như vậy. Ông muốn gì tôi thách ông đó. Bây giờ tôi nói dứt khoát với ông, tôi không đi cho đến khi nào có chuồn chuồn đến bốc Dzũng Chinh và mấy đứa con của tôi...

Trên đây là một đoạn trong hồi ký *Điều thuốc sau cùng* của Lê Cần Thơ được đi trong đặc san Thủ Đức. Chúng tôi xin được trích lại để chứng minh về sĩ khí của kẻ sĩ

cùng tinh thần đồng đội của người lính VNCH nói chung cũng như người sĩ quan Thủ Đức nói riêng. Tại sao viên chuẩn úy của chúng ta lại có thái độ ngang ngược như vậy. Tại sao anh lại tỏ bày thái độ bất chấp như vậy. Bởi vì anh không thể bỏ rơi đại đội trưởng của anh và những người lính của anh. Họ phải được cứu sống. Họ phải được đền bù sau khi họ đã hy sinh tất cả. Có lẽ bản chất của viên trung tá kia là người thô lỗ, nhưng không phải vì thế mà quên đi cái tình chiến hữu, đồng đội mà ông lẽ ra phải làm gương. Nếu như không có chiếc trực thăng xa lạ nào đó bay qua, thương tình đáp xuống để cứu độ thì có lẽ một hai mạng người sẽ kết thúc vì máu mất quá nhiều. Rõ ràng ông ta đã dùng oai quyền và lạm dụng oai quyền. Nhưng ông đã lầm. Ông không hiểu con tim của chúng tôi, những người sĩ quan trẻ tốt nghiệp từ quân trường Thủ Đức.

Con tim ấy tha thiết lắm. Nó đau cái đau của đồng đội. Nó hạnh phúc cái hạnh phúc của đồng đội. Nó làm tiểu đội, trung đội trở thành một mái nhà. Con tim ấy đã khiến một

người chuẩn úy khác dám bắn bò của tư lệnh
vùng, bởi vì anh thấy lính của anh gian khổ
quá, đói rách quá:

*Ngày N cộng sáu
quân lui về Nghĩa Hưng
áo quần đầy hương máu
tóc râu đầy hương rừng*

*đang đi, lệnh: đóng chốt
lập vòng đai an toàn
cho đại đội trừ bị
lùa bò cho tướng Toàn*

*bò mập lông vàng thắm
rộn rịp tập xếp hàng
lính than thềm thịt quá
nổi máu, ta bắn càn*

*lon guigoz đầy dấm
củ rừng bắt lửa nhanh
miệng nhai lòng chảy máu
tự rửa thềm gian manh*

*tướng Toàn không ký phạt
nhưng ta chẳng tha ta
một tuần không ăn thịt
không làm thơ ngắm hoa*
(Luân Hoán)

Đó là lý do tại sao chúng tôi hãnh diện. Với quê hương, chúng tôi đã mang trọn vẹn trái tim của chúng tôi để dâng hiến. Với đồng đội chúng tôi đã sống và chết hết lòng. Ngay cả đối với những người có liên hệ với hàng ngũ bên kia, trái tim của chúng tôi vẫn nảy nở lòng thương hơn là thù hận. Chúng tôi khác với đối phương, thay vì họ được nhồi sọ bởi Bác, Đảng, còn chúng tôi được học từ Chúa và Phật. Xin được trích lại một phần trong truyện Bóng Tháp đã bị bôi đen bởi Sở Kiểm Duyệt ngày xưa:

...Một người bạn đã xin tôi một liều thuốc lá đen. Tôi cười: Bao thuốc xanh của tôi đã bị ướt nhão nhẹt khi lội qua sông. Gió đã bắt đầu lạnh hơn. Những ngọn lửa đã bắt đầu yếu

dần. Trăng đã lên cao, nằm lẻ loi trên một chòm cây khảnh khiu. Tiếng vạc lại nổi lên, đều đều từ phía đồng ruộng. Tôi vẫn nằm yên, lưng dựa vào balô, và tâm hồn tôi trải rộng như bóng đêm đang phủ. Có tiếng chửi thề: "Bộ xe để đưa rước ông bà, các cô các cậu lớn hết sao bây giờ vẫn chưa thấy ló mặt đến". Một giọng khác phụ họa: "Chắc mấy tay bán hết xăng rồi, giờ này xe nằm ụ". Rồi tiếng ho khan nổi lên trong hàng quân, cùng tiếng cười la từ phía ban chỉ huy. Có lẽ, trong tâm trí của mỗi đứa con chiến trường đều hiển hiện những ngọn đèn thân yêu nhất của mình. Và vô tình giữa cõi trăng sáng trong vắt, tôi bỗng nhận ra một tấm bảng nổi lên trên một gò đất xanh um. Tôi đến nơi và đọc: "Mồ chôn tập thể địch quân". Tôi hỏi người bạn, nguyên là dân địa phương vùng này. Anh ta trả lời: "Mồ chôn của cả tiểu đoàn V.C đấy. Cậu không nhớ lần bọn chúng về đánh Đập Đá, bị vây tứ phía, không còn để lọt một trự sao?" "Vâng, tôi nhớ ra rồi. Đại Hàn nằm phía Bắc. Phía Đông Nam là mình. Phía Tây

là trung đoàn. Vòng vây càng lúc càng xiết chặt. Địch không một ai chạy thoát. Trận đánh suốt cả tuần. Nhưng tôi không thể ngờ, tại sao họ lại đào ngay tại đây để chôn xác người. Bi thiết quá" "Tại sao là bi thiết. Thì chôn ở đâu bây giờ? Cả trăm mạng" "Tôi muốn nói cái oan khiên của lịch sử. Mấy trăm năm trước, bao nhiêu người chắc đã chết tại nơi này. Và mấy trăm năm sau, lại thêm bao nhiêu xác người khác nữa nằm tiếp thêm...Họ đòi nợ nhau. Và cuối cùng Bắc Nam Chiêm Thành cùng nằm chung dưới một gò huyết".

Giữa lúc ấy, từ phía xa, mờ ẩn một ánh đèn bão. Ánh đèn càng lúc càng tiến lại gần phía chúng tôi. Chừng như người mang đèn không hề biết sự có mặt của đám con chiến trường. Giọng quát của người lính canh: "Ai đó đứng lại !" Ngọn đèn đứng yên. Tiếng nói mất còn trong sợ hãi vọng lại: "Tôi đây, xin các ông tha cho tôi, bởi tôi không biết..." Dưới ánh trăng sáng vắng vặc, tôi thấy mờ hình dáng của một bà lão. Tiếng cắn nhả của người

lính tiếp tục vang lên: "Bà già quá gan thật. Bà không biết giờ này giới nghiêm hay sao? Một mình bà lại đến khu vực này. Bà đi tiếp tế cho VC hay sao?" "Bẩm ông, tôi già rồi" "Bộ già không phải là VC sao?". Tôi đến bên bà lão. Bây giờ tôi mới thấy rõ hơn. Tóc bà bạc phơ. Gương mặt nhăn nhúm lại. Tôi bắt gặp bà mang một bọc vải. Tôi kêu lính lục soát. Kinh nghiệm cho chúng tôi biết đa số những người dân trong vùng đều có chồng con nhảy núi, và đêm đêm họ mang đồ tiếp tế. Có thể là thuốc tây, áo quần, hay lương khô. Người lính mở gói đồ. Những bó nhang, giấy vàng bạc, một nải chuối...Chỉ có bấy nhiêu. Tim tôi chột nhói. Vâng, tôi đã hiểu. Hiểu hơn ai hết, vì chính mẹ tôi cũng từng làm như vậy trong những đêm xa xưa, sau khi anh tôi vượt sông cái. Bà đã dám lặn lội đến bãi chiến để thả nén nhang, đốt vàng bạc, với niềm tin là hương hồn của người chết được siêu thoát, không còn phải kêu gào thảm thiết giữa đàn âm binh chết trận. Tôi hỏi bà lão: "Chắc ngoài có thân nhân chết và bị chôn dập dưới

hố phải không?” Bà lão ú ớ. Tôi nói tiếp: “Cháu không làm khó dễ gì ngoại đâu. Bởi mẹ cháu cũng thế, hầu hết những người mẹ có con chết trận đều như thế.” Bà lão tự nhiên òa khóc: “Đêm nay rằm tôi không thể để nó lạnh lẽo dưới đất. Tôi mong nó lên hưởng chút hương đèn...” “Dạ, ngoại nói đúng. Khi chết rồi ai cũng như ai, không còn là ngụy cũng không còn là VC, không còn Bắc không còn Nam. Thuta ngoại, xin ngoại cho cháu một cây nhang, để cháu cùng thắp cầu cho anh ấy” Tôi nói mà lòng tôi ràn rụa... (trích Đêm Chiêm Thành của Trần Hoài Thư)

Câu truyện trên được viết khi chúng tôi là một trung đội trưởng của một đơn vị thám kích thuộc sư đoàn 22 BB tại Bình Định. Nó đã bị kiểm duyệt một phần lớn khi được đi trên tạp chí Bách Khoa. May mắn nguyên bài được lọt ra ngoại quốc và đã được một độc giả sao và tặng lại chúng tôi. Sở kiểm duyệt, gồm những ông, những ngài không mặc áo lính, rui rúi ở trong tháp ngà tại Sài

Gòn, đã kết tội bài viết có lợi cho địch và thẳng tay mà chém, trong khi chính bọn trẻ chúng tôi đang sống chết để bảo vệ các ngài được an toàn ở thành phố hay để lừa bò cho ngài tư lệnh.

Có lợi cho địch hay là có hại cho địch, chúng tôi chẳng cần biết. Chúng tôi không phải là dân Tâm lý chiến hay văn nô. Chúng tôi là dân Thủ Đức, dân trí thức bị nhập ngũ. Chúng tôi nói cái gì chúng tôi cho là đúng với lương tâm của chúng tôi. Chúng tôi viết không phải cho các ngài, cho chế độ, cho hàng ngũ lãnh đạo, mà cho chúng tôi, bạn bè chúng tôi, và con cháu chúng tôi đọc. Người Cộng Sản đã kết tội chúng tôi là ác thú, những con thú tật nguyền, không có trái tim, trong khi chúng tôi mang trái tim của Đức Phật, Đức Chúa để rải xuống một quê hương hận thù đau khổ như vậy mà có lợi cho địch sao?

Nhớ về một ngôi trường lính, là nhớ đến F301, một nơi mà tất cả sinh viên chúng tôi không ai là không biết. Chúng tôi đã để lại ở

đầy một hay hai ngày để nghe mùi khai ngấy của nước tiểu, để nhận rõ bóng tối nhiều hơn ánh sáng, để thấm thía hơn về kỷ luật quân đội. Đây là bài học, nhưng đây cũng là những giờ phút mà lá thư tình đã được viết nên, hay nỗi nhớ nhung đã trở dậy. Em Sài Gòn, so với một buổi hai buổi bị nhốt trong 301, đâu có nghĩa lý gì khi được một giờ một phút thấy em. Một lỗ rào nào đưa ta ra ngoài xa lộ, len giữa những lùm cây đào lộn hột, để thay vôi vàng bộ đồ dân sự, và đón xe quá giang. Cũng biết lắm cái hình phạt. Cũng biết lắm cái hậu quả có thể rớt ra trung sĩ. Nhưng Sài Gòn vẫn thoi miên ta như người con gái hương phấn vẫy gọi cuối trời. Không thể đợi đến khi giai đoạn Một chấm dứt. Không thể thui thủi một mình vào ngày cuối tuần. Phải về Sài Gòn. Phải uống ly chanh đường uống môi em ngọt hay nhìn con gái Sài Gòn trên vỉa hè Lê Lợi Gia Long. Phải gặp lại bạn bè, ngồi xe honda, nghe gió đêm Sài Gòn luôn giữa hai hàng lầu cao ngất. Phải như một cậu học trò trốn học ham vui, dù biết thế nào ngày mai cũng bị phạt

cắm tét. Bởi vậy, ta về. Và hình như nhà trường đã biết được điều đó nhưng cố tình làm ngơ. Bằng chứng từ khoá này tiếp đến khoá khác, những lỗ rào quen thuộc kia vẫn chưa một lần được rào lại hay được tăng cường canh gác. Để F301 tiếp tục sống mãi trong tâm trí của mỗi người chúng tôi sau này.

Có lẽ nhà trường muốn thử chúng tôi về bài học tự thắng để chỉ huy chẳng. Nhưng ta không thể nào tự thắng được. Và chính cái ham vui ấy, những giây phút căng thẳng ấy, hay một hai buổi bị nằm trong bóng tối của căn phòng gần cổng số Một với bề rộng bề ngang 10 thước, chen chúc bạn ta ấy, mới là những giọt ngọc ngà kỷ niệm của một đời người. Có ân hận gì không. Chắc chắn là không chút gì ân hận, khi hình phạt mà ta chấp nhận là kết quả của tình ta đối với Sài Gòn. Phải không em, Sài Gòn yêu dấu.

Để rời đồng lõa với ta là những người tài xế xe lam, hay những anh tài xế xe quân đội. Dù họ đã biết ta trốn trại. Làm sao ta có thể che mắt họ, khi bên đường xa lộ có kẻ hút

tóc ngắn và da đen sạm vậy xe quá giang. Họ cũng như em, mang con tim Sài Gòn đến đôi Tăng Nhơn Phú. Họ giúp ta thoát được trạm quân cảnh ở cửa ngõ vào thành phố. Họ là cứu tinh cứu độ để ta không phải bị giải giao về lại trường. Ôi, F301, nó đâu phải ghê rợn như sà lim, chuồng cọp, nhà đá để ta phải nhắc nhở. Nó cũng chẳng mang cái ý nghĩa Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại. Nó chỉ là nơi ta tạm đặt lưng để quên đi bãi bắn, bãi tập. Ta không cần tập hợp cho mỗi lần đi ăn mà trái lại trưa chiều, người sinh viên trực đại đội mang khẩu phần đến cho ta. Nhưng ta vẫn phải bồi hồi để nhớ lại. Những khổ nhọc, trầm luân của kiếp người rồi cũng mất, cũng tan biến nhưng những áng mây đã hiện bên ngoài kia, chắc sẽ phải nhớ mãi. Những áng mây không phải kết đọng bởi thuốc nổ nòng nặc, nắng lửa và mồ hôi trên bãi tập, nhưng chúng đây ấp tình em, tình Sài Gòn. Chúng đã đậu lại rồi trôi dạt về đâu, sao ta cứ ngỡ chúng đang trôi xuôi về phía ấy. Rồi bỗng oà vỡ niềm hạnh phúc, như trời Sài Gòn bỗng nhiên tối sầm lại và trận mưa

giông trút xuống như ðũa cọt cùng thị dân.
Và em tóc ướt và ta tóc ướt, và môi cũng ướt,
thịt da cũng ướt...

Nhớ về một ngôi trường lính, dù chỉ là chín
tháng, nhưng nỗi nhớ mang theo nỗi ngậm
ngùi. Bây giờ trường ðã mất. Những con
ngựa hôm nào bây giờ ðã lạc bầy tan tác hay
ðã rời bỏ ðồng cỏ ðể về một cõi nào. Cả một
thời tuổi trẻ ðã hy sinh và chấp nhận vào
cổng trường với niềm mong mỏi duy nhất là
dâng hiến đời mình cho ðất nước, quê hương
bây giờ trở thành mây khói. Tự nhìn lại là
mình có làm trái với bốn phận không, cái
bốn phận khiêm nhường của một người lính,
mình thấy lòng an ổn lạ lùng.

Đêm di hành đầu tiên

Đêm di hành đầu tiên của giai đoạn Một. Khi chiếc nón sắt đội nặng trên đầu. Khi ba lô trên vai, và khẩu súng trường với những viên đạn mã tử. Khi mắt mở, tai căng, và đêm như lòng mực xạ. Ta đã trở thành một người lính rồi ư. Ta có cảm giác ngây ngất của một kẻ vừa trải qua một chuyện lạ lùng hoang tưởng. Quân đi, cả trăm, cả ngàn người, mà sao như đoàn quân ma. Không có cả tiếng ho. Tiếng cười. Không có cả một đốm lửa của điều thuốc. Khi ra cổng trường, bỗng đứng thấy như thể ra bãi chiến. Nhà nhà vẫn còn để đèn. Xa xa, xa lộ đèn xe sáng rực. Và trên cao là tháp nước quân trường với ánh đèn chớp chớp. Ta bỗng thấy

bước chân ta vững mạnh hơn. Bởi xung quanh ta là bao bước chân khác. Ta là họ và họ là ta. Họ giữ gìn ta và ta giữ gìn họ. Chúng tôi đã nương tựa nhau và bảo vệ cho nhau. Lần đầu tiên ta mới cảm nhận cái căng thẳng của thần kinh, cái lo âu vô hình giữa một lòng đêm âm u sâu thẳm. Nhưng cũng đôi khi, chợt thấy ánh đèn của nhà ai còn thấp sáng, lòng lại tự nhiên một nỗi hãnh kiêu thầm kín. Rồi đây, một ngày nào đó, ta sẽ thật sự có mặt, và ta mong được giữ gìn không những một ánh đèn mà còn cả triệu triệu ánh đèn. Có lẽ lúc ấy, ta chưa chạm vào thực tế. Tâm trí ta chỉ theo dệt những cơn mơ đầy lãng mạng như:

*Một buổi quân dùng nơi xóm nhỏ
Mẹ run run mời một bát canh đầy
Bát canh hẹ cho ngọt ngào gạo đỏ
Con chan vào từng muỗng nhỏ mà*

say...

Phải, không ai lại không có những cơn mơ tuyệt vời như thế. Giữa các bạn ta, chắc cũng có những kẻ mơ ngày ra chiến trường, đánh đâu thắng đó, uy dũng trong màu áo hoa dù

hay chết thì cũng da ngựa bọc thây.

Còn ta, ta mơ một bát canh hẹ đậm đà tình nghĩa. Khi ta cầm khẩu súng, ta nghĩ là ta phải gánh một trách nhiệm thiêng liêng nhất là bảo vệ cho đồng bào ta, dân tộc ta. Khi ta bước đi trong bóng tối, có nghĩa là dọn đường cho ánh sáng. Và để đổi lại, đồng bào, hậu phương, sẽ hiểu việc cầm súng của ta, sẽ như người mẹ mời bát canh hẹ để ta chan vào từng muỗng canh nồng nàn giữa người dân và người lính. Ôi những cơn mơ giúp ta đuổi kịp bạn bè, sát cánh với bạn bè, hoà nhập cùng giòng thác của bạn bè. Nó giúp ta sức mạnh dù thân thể ta không đủ tiêu chuẩn của một người lính. Mắt ta mang kính đã bắt đầu làm quen với bóng đêm. Ta mới cảm nhận cái tai hoạ vô hình. Bóng tối. Phải, ta đang ở giữa lòng bóng tối. Bóng tối đồng nghĩa với tai ách. Với kẻ thù. Bóng tối thì nhiều mà ánh sáng thì ít. Chỉ trừ ánh đèn. Những ánh đèn le lói, nhưng bình an kỳ lạ. Trời ơi. Một ngày nào đó, chắc ta phải khóc mất khi được ném bát canh hẹ có thật thay vì mơ tưởng. Nó còn đậm đà hơn cả bài hát nào

mà ta đã nghe: *Anh về qua xóm nhỏ. Em chờ dưới bóng dừa. Nắng chiều hôn mái tóc. Tình quê hương đơn sơ.* Bởi vì gạo đỏ và bát canh họ chính là quê hương. Bởi vì mẹ đã quá già mà cảm thông cùng con cháu mẹ. Ta đang mơ. Xin đừng để cho giấc mơ ta tan vỡ. Để ta còn được chấp cánh mà bay, đừng cho ta phải rớt xuống cùng sự thật. Xin để cho ta cứ liên tưởng đến bát canh họ cho ngọt ngào gạo đỏ của ta mà cố gắng theo kịp anh em, theo kịp hàng ngũ...

Trời ơi, ta làm sao biết được cái sự thật bên ngoài ngôi trường của chiến tranh này. Cái sự thật phủ phàng khi ta giáp mặt vào lòng bóng tối. Cái sự thật khi những ngọn đèn kia là những tín hiệu giết người, báo động của đám dân trong làng mỗi khi ta hành quân qua. Cái sự thật khi người dân bề ngoài dạ bẩm, nhưng trong tim họ đầy cả bồ dao găm tai họa. Cái sự thật về một gáo nước lạnh hay một thìa nước mắm xin của người dân đã bị từ chối.

Trong đêm di hành đầu tiên, hết đại đội này

đến đại đội khác rời khỏi tuyến xuất phát là vũ đình trường để di chuyển quanh vòng đai của quân trường. Ta bây giờ là một phần tử trong một tập thể. Chúng tôi nương nhờ, bảo vệ cho nhau. Từ đó, ta mới hiểu thế nào là tình đồng đội, là sự san sẻ cùng nhau cái định mệnh chung, cái nghiệp căn chung, những tai ương chung. Từ đó người ta càng yêu thương nhau hơn, càng thông cảm cho nhau hơn.

Như vậy, ta phải cảm ơn Tăng Nhơn Phú đã làm thay đổi cái nhìn của ta trước đây về cuộc chiến, về quân đội. Cảm ơn bạn bè ta, những người có người vợ mới cưới, những đứa con mới sanh, hay những người kỹ sư, giáo sư, tiến sĩ, những trí thức, những nhà văn nhà thơ tên tuổi lẫy lừng, những người mà lẽ ra, Thủ Đức không phải là nơi dưng vớ. Họ vẫn có mặt bên ta, quanh ta, vẫn cầm súng bước đi trong đêm di hành.

Cuối cùng vào nửa đêm cả ngàn người của khoá tù tất cả các đại đội trở về tập hợp tại vũ đình trường. Đêm vang lên lời hô và lời

báo cáo. Người ta đã dạy ta biết thế nào là một đơn vị lên đường và trở về bình an vô sự. Trung đội báo cáo lên đại đội. Đại đội báo cáo lên tiểu đoàn. Và tiểu đoàn báo cáo lên liên đoàn. Ta bị nhận chìm trong một tập thể chỉ biết tuân phục. Khi nghe hô nghiêm là ta nghiêm, hô nghỉ là ta nghỉ, hô bước là ta bước. Ôi những cái bóng nào của đêm xưa ấy còn để lại dấu tích hay chỉ là hạt sỏi nào trên sân. Còn đâu những âm vang của Thủ đức. Còn đâu những vì sao kỷ niệm trên đồi gió Tăng Nhơn Phú. Vâng. Dù quá mệt, quá căng thẳng, nhưng thế nào ta cũng phải ghi lại những cảm xúc kỳ diệu mà ta đã gặp trong đêm này.

Nguyệt san Bộ Binh Thủ Đức

Những trang giấy nào hôm qua còn mờ nhạt bởi mồ hôi, bụi, và mưa Tăng Nhơn Phú. Có ai kể là sau khi khóa chúng tôi mãn, khóa đàn em nhận trách nhiệm săn sóc nguyệt san Bộ Binh, đã xem mục Nhật Ký Quân Trường là mục thường xuyên phải có. Cảm động lắm khi họ theo ta, tiếp tục viết lại những suy nghĩ, tâm tư trên từng chặng đường gian khổ. Họ theo ta, cũng như ta đã theo khóa đàn anh tiếp tục một truyền thống có sẵn. Chính truyền thống đã mang lại niềm vinh dự. Bởi vậy mới có những người từ muôn phương trở lại để gặp lại bạn bè cùng khóa mà kể lại bao nhiêu điều, bao nhiêu chuyện dưới mái trường. Cái truyền thống của Thủ Đức cũng

giống như các trường đào tạo quân đội khác, cũng đàn anh gắn alpha cho đàn em. Cũng cuối năm là hành quân cuối khoá, cũng trốn trại về phố và cũng bị nhốt vào trại kỷ luật... Nhưng có lẽ ở trên đồi Tăng Nhơn Phú này, có một truyền thống mà chắc là không có trường nào có. Cái truyền thống miễn đi bãi vào ngày thứ tư kể từ sau khoá 24 của chúng tôi, dành đặc biệt cho những người sinh viên sĩ quan biên tập viên của tờ nguyệt san Bộ Binh Thủ Đức.

Gắng nhớ. Gắng trở lại một khoảng thời gian nào cách đây hơn ba mươi năm. Trí não đã hao mòn, sao lòng ta vẫn còn bồi hồi tha thiết. Những người muôn năm cũ. Chợt một Phạm văn Bình loé lên, người thấp, da đen ngăm. Anh là thầy giáo. Một Trịnh Kim Đồng hợp cùng Lưu Trung Khảo, hai cây bút chủ lực về biên khảo. Trịnh Kim Đồng thì đã chết. Chết trên đỉnh đồi Mười thuộc tỉnh Bình Định. Anh cùng Sư đoàn 22 BB với ta. Anh bị quả đạn trái sáng rơi trúng vào đầu. Còn ai nữa. Còn Nguyễn Sa, Cao Thoại Châu, Luân Hoán, Phạm Hoàng, Phan Thảo

Trang. Còn có Trịnh Cung lo phần hình thức. Còn có cả Ý Yên, người sĩ quan huấn luyện... Đó là những tên tuổi rất quen thuộc. Và chúng tôi đã góp lại, cấy mạ, ươm phân bón, để nguyệt san Bộ Binh trở thành một tạp chí có tâm cỡ.

Chúng tôi đã biến mờ hôi thành chữ nghĩa. Và chữ nghĩa đã được chuyển tới không những cho chúng tôi mà còn cho những người thân nhân của chúng tôi. Chính tờ báo đã làm chỗ đứng của Thủ Đức càng lên cao. Có lẽ nhà trường đã nghe được tiếng vang. Bằng chứng là nhà trường cho phép chúng tôi được miễn đi bãi vào ngày thứ Tư để lên họp tại Khối Chiến Tranh Chính Trị hay để có thì giờ hơn dành cho việc sáng tác.

Bây giờ giữa trời đất mênh mông này, làm sao tìm lại những tờ tạp chí cũ. Làm sao có được những bài Nhật ký quân trường của một thời để bỏ vào trong tập sách này gọi là một hoài niệm yêu dấu. Làm sao để ta có thể đập lại nhịp tim của một thời khi ta đi dây tử

thần, vượt sông, leo núi, gấn alpha hay đứng gác trung nghĩa đài. Vàng bạc châu báu nào có thể đổi lại những trang sách xưa. Những trang sách đầy mồ hôi và gian khổ, nhưng cũng đầy lửa của niềm tin và lửa của da thịt em. Những trang sách mang theo bè bạn đã một thời hiện diện bên ta, viết dùm ta, làm thơ dùm ta, chuyên chở nỗi lòng dùm ta.

Bây giờ đã hơn ba mươi năm từ ngày rời Thủ Đức, ta đang khốn khổ hành hạ trí não để nhớ về một thời. Muốn nổi khùng chạy đông chạy tây, tìm hoài trong trí nhớ già nua một vài câu thơ của Cao Thoại Châu được anh sáng tác trong trường lính nhưng đành bất lực. Nhà thơ vẫn còn sống ở trong nước, nhưng những bài thơ một thời đã mất trước anh như tất cả những người viết văn làm thơ của miền Nam trước 1975.

May mà trái tim cứ kêu gọi thúc dục. Ta đang viết lại đây, tim nhé. Ta đang viết lại đây, hồi Thủ Đức, hồi các bạn bè ta, và hồi những người đã yêu mến văn ta nhé. Viết mà rưng rưng. Ta đã đánh mất cây viết Canon, cái phần thưởng sinh viên sĩ quan báo chí

xuất sắc của khoá dành cho ta rồi. Và bây giờ những ngón tay tê buốt của tuổi già đã báo cái cơ nguy sắp bỏ bút rồi. Hở, ta sẽ sống ra sao, hở?

Đêm alpha

Cuối cùng giai đoạn Một cũng đã kết thúc. Nó đánh dấu một khúc quanh rất quan trọng trong đời sống sinh viên sĩ quan chúng tôi. Có nghĩa là từ đây chúng tôi bắt đầu mang trên mũ, trên vai, hay cổ áo, huy hiệu α , mà chúng tôi vẫn thường quen gọi là con cá vàng. Có nghĩa là từ đây chúng tôi có quyền đi phép cuối tuần về Sài Gòn. Và cũng bắt đầu từ đây, chúng tôi thật sự trở thành đàn anh.

Đêm alpha. Tôi đang thấy lại tôi, giữa cả một vũ đình trường đầy ngập người, và đây ngập ánh điện như thể một đêm hội lớn. Chúng tôi đã mặc bộ đồ vàng đi phép, mang

giây biểu chương vàng, và mang nón kết. Trên ngực áo có bảng tên. Chúng tôi đã sẵn sàng cặp lon vàng. Chúng tôi một chân quì xuống, để chờ khoá đàn anh đến gắn cấp bậc.

Đêm alpha. Nó là một truyền thống. Nó là sự liên hệ giữa đàn anh và đàn em, giữa người sắp sửa giã từ và những người ở lại. Nó cũng là điểm mốc cho người được đi chuyên môn và người ở lại làm lính lợi bộ. Nó vang động cả trời đêm Tăng Nhơn Phú với lời hô đứng dậy quì xuống như chuyển rung cả một vũ đình trường. Người đàn anh sẽ gắn alpha cho ta. Và anh sẽ đập vào vai ta để bày tỏ lời chúc mừng trong khi ta chào tay anh không dám động dậy. Rồi anh sẽ từ giã ta, anh đi đâu:

*hãy nắm chặt giây cương này, luân hoán
ra khỏi nơi này sẽ gặp nghĩa trang*

(Tình khúc cuối cùng ở K.B.C 4100,
thơ Luân Hoán)

Ta đã quên anh, và anh cũng không bao giờ nhớ ta. Nếu có chỉ là cái bóng. Bóng đổ

xuống sân vũ đình trường dưới những ngọn đèn nhiều nến. Ta lại bắt đầu thay anh, và cái bóng ta đã lấp vào bóng anh. Ta cũng nhường lại cho đàn em những gì mà đàn anh ta đã nhường cho ta. Rồi ta lại ra đi. Đi đâu. Ra khỏi nơi này sẽ gặp nghĩa trang. Nghĩa trang quân đội. Với *Tiệc thương* của Nguyễn Thanh Thu. Với *Viên đạn cho người yêu dấu* của Luân Hoán. Với một Mật Thân đại tang cho khóa 24 của ta và khóa 25 đàn em.

Đêm alpha, ta đang náo nức chờ ngày cuối tuần để về thăm Sài Gòn. Một đoạn đường chiến binh đã qua. Thêm một đoạn đường nữa bắt đầu. Bây giờ mới chính là những bài học vỡ lòng cho một trung đội trưởng bộ binh. Hỡi em yêu dấu.

Cám ơn Thủ Đức

Tôi về lại ngôi trường Mỹ này sau hơn bốn năm xa cách. Một người cựu sinh viên trở lại, với tám thiệp mời trong tay. Về cho ngày họp mặt. Cho hàn huyên tâm sự. Cho thầy trò bạn hữu, cho *class of 1984*. Ngày nhận thiệp, lòng tôi quá chùng rạo rục. Dù muốn dù không, ngôi trường đã thấy bóng tôi suốt gần bốn năm, giúp tôi lớn khôn cùng chữ nghĩa và khoa học. Bởi vì, ít ra, nó còn giúp đỡ tôi, cho tôi một cơ hội trong giòng cuồn lưu của xã hội mới. Bởi vì, từng phòng học, từng chiếc bàn, chiếc ghế, nơi tôi ngồi từ những ngày đầu bỡ ngỡ đến khi tôi trở thành một kẻ tự tin. Nơi đã thấy tôi đi, tôi đứng, tôi ngồi lặng hàng giờ cùng những trang sách vở. Nơi tôi đã chiến đấu khi tuổi đã vào bốn mươi. Tôi phải về để gặp lại ông thầy dạy về

Database để nói rằng, nhờ ông bây giờ tôi mới hiểu hơn về cái định nghĩa cũ, tuy nhiên nó chỉ là lý thuyết, còn thật tế thì khác. Tôi cũng sẽ gặp lại ông giáo sư về Văn Chương. Dù ông là thầy, nhưng khi biết tôi là nhà văn, ông đã coi tôi như một người bạn. Tôi sẽ hãnh diện để kể cho ông về một tác phẩm mới của tôi. Tôi cũng ao ước được gặp lại Elizabeth, cô nàng sinh viên có mái tóc vàng óng lượn mà mỗi giờ học hoàng hôn, khi nắng chiều lọt vào cửa lớp và đậu lại trên tóc nàng, để tôi ngồi đằng sau phải chết ngộp hàng giờ. Không biết cái ghế vừa làm bàn kia, còn có mặt để tôi có thể nhìn lại những giòng chữ của tôi nữa không. Còn nữa. Còn những ngày những đêm vào mùa thi final hay midterm. Những lo âu, những căng thẳng, những phòng học được làm phòng thi, và những giờ dài như cả thế kỷ... Tôi phải kể thật tình với họ, tôi về để cảm tạ ngôi trường nói chung và họ nói riêng. Chính nơi này đã dạy dỗ tôi, hướng dẫn tôi từ những bước đầu bỡ ngỡ, xa lạ đến khi tôi có thể bước ra đời bằng những bước đi mạnh bạo và vững chãi.

Nhưng càng lúc bước chân tôi càng lạc lõng. Tôi đã nhận ra họ. Những bạn học cũ. Những ông thầy cũ. Tôi đưa tấm thiệp cho cô sinh viên phụ trách. Lại những thủ tục máy móc vô tri. Cầm cái đĩa, chiếc muống, chai nước ngọt. Và sau đó, có vui gì không, xúc động gì không, bồi hồi gì không. Sao mà *Hi, Hello*, ngỡ ngàng, ngọng nghịu. Sao mà mình cảm thấy thật xa lạ giữa cõi đông người. Sao mà đứng đưng, xa cách. Họ, những người của *class of 1984*, bây giờ trưởng thành quá, lịch sự quá, để khiến tôi phải do dự khi chào hỏi. Ngày xưa, tôi đã là bóng ma giữa họ rồi mà. Hay tại vì cái số tuổi của tôi, bây giờ, không thể hòa nhập cùng thế hệ của họ. Hay vì tôi ngu ngơ như tên mán tên mừng. Họ, những người đàn bà trong những chiếc áo dạ hội, đưa vai trần tươi mát. Họ, những người đàn ông cầm *cocktail* chuyện trò hàn huyên. Tiếng nhạc hoà tấu trỗi lên. Những người hầu bàn đứng nghiêm ở góc phòng. Những chiếc khăn bàn màu huyết dụ, những chai rượu mạnh. *Class of 1984*. Tôi đã xuất thân từ năm ấy. Tôi đã

tùng ngồi trong thư viện kia, nhìn tuyết xuống, trắng xóa một trời. Tôi đã từng ngồi trong *cafeteria* bên trái, cùng chiếc bàn chiếc ghế trống không. Tôi cũng đã từng đứng trước cổng trường dưới trời tuyết giá, lạnh cóng để chờ xe buýt đưa tôi về nhà. Không còn những giờ phút mà ai cũng phải tự hào và bồi hồi nhớ lại: *Những chuyến phà học trò yêu giấy thấm. Pha màu hồng con tim nhỏ trao ai hay Có một con đường mỗi ngày hai bạn. Có hai ngôi trường như đôi tình nhân...* Tôi đã bỏ lại chúng bên kia biển và đàng sau. Bây giờ, đứa học trò năm xưa quần xanh áo trắng ấy, tóc xanh thấm ấy, đã trở thành một gã học trò già, tóc bạc đầu, cô đơn như người mán, mọi... Bây giờ, vẫn lớp học, vẫn sách vở, vẫn cõi xôn xao của lời giảng, của mùa thi, của đêm học muộn, nhưng có một phần đời đã bị đánh mất và một phần đời khác đang lập lại trong một thế giới khác, thời gian khác. Đó là mảnh đời của một tên sinh viên ty nạn. Và cả cái phòng nhỏ ngoài kia, gần phòng hành chánh, nơi hán ngồi bên này, và người đàn bà phồng vắn ngồi bên

kia. *Please talk about yourself.* Nói gì về
hắn. Đi học. Đi lính. Đi tù. Đi biển. Đi học.
Đi làm. Đi. Đi hoài. Đi mãi. Nhưng đi phải
có điểm khởi hành. Ít ra, điểm khởi hành là
ngôi trường này. Nó đã mở cánh cửa kiến
thức. Và nó cũng mở cả cánh cửa cơ hội cho
hắn.

Hôm nay, sau bốn năm, hắn trở lại. Tôi đang
trở lại. Còn một chỗ cuối cùng để nhìn lại
tôi, để bao dung lấy tôi trong những ngày
tháng đầu tiên ở quê người. Không, tôi còn
hơn người sinh viên tỵ nạn nữa. Tôi còn
mang theo bên mình vết hằn chiến tranh và
tù tội. Tôi còn mang theo những bạn hữu,
những người thân lao đao lặn đạn hay đã gục
ngã trong tù. Tôi còn mang theo chiếc thước
kẽ hay lăn roi mà thầy giáo tôi đã dạy tôi.
Tôi còn mang theo những thứ mà bất cứ một
ai ở xứ sở này không thể mang theo. Còn
nữa. *Còn ngày u buồn thư viện. Đếm từng
trang giấy trôi. Quạt trần rên nước nở. Nước nở
trong lòng tôi...* Giòng thơ nào tôi viết lên
mặt bàn ở thư viện bên giòng sông Hương,

khi ánh nắng cuối ngày tấp trên giòng suối tóc của người con gái. Cái cô độc của một người đi tìm dư hương cũ. Cái băng khuâng một lần trở lại tìm một chỗ ngồi. Đâu có gì thay đổi. Vẫn những kệ những ngăn. Vẫn những rừng sách vở. Dù hôm nay, bà thơ ký già đã được thay bằng một cô gái tóc vàng, trẻ trung. Dù hôm nay, tuổi tôi đã gần năm mươi.

Tôi gặp lại ông giáo sư *Database*. Tôi hỏi ông Ông còn nhớ tôi không. Ông nhú mày suy nghĩ một lát. Tôi nhớ ra rồi. Lớp học chỉ có mấy người Á Châu. Anh hiện giờ làm gì? Tôi nói tôi làm cho hãng... Đã lấy thêm cái *Master*. Ông chúc mừng tôi. Sau đó là hết. Ông còn có nhiều người để phải nhớ. Tôi tự hỏi có khi nào ông nhắc đến một tên sinh viên Á Đông về sau này hay không. Chắc là không. Tôi chỉ là cái bóng mờ, đến nỗi khiến ông phải nhú mày, do dự một hồi lâu.

Tôi lại nhận ra một người bạn học cũ. Nhưng đôi mắt của họ còn có chỗ khác để nhìn. Tôi

bối rối cầm lấy ly *cocktail*. Tại sao tôi lại lạc loài đến độ thảm não như thế này. Tại sao tôi đang gượng vui trong cái thế giới của *class of 1984* ? Tôi đang muốn có một chỗ trong đó. Nhưng hình như tôi bị gạt ra ngoài.

Bởi vậy tôi đã ra khỏi căn phòng dạ tiệc. Buổi chiều đã sắp tàn. Những người sinh viên ôm sách đi qua. Sân thể thao có một trận đấu *softball*. Bãi đậu đầy xe. Những ngọn đèn sáng rực. Sân trường và bãi cỏ mênh mông. Những con bồ câu chọt bay lên từ nóc chóp của trường. Có lẽ chúng mới là bạn của tôi, lúc này.



Xin để tôi kể về một thời sinh viên tỵ nạn. Xin cho tôi được nhắc lại những chuyến *trolley* buổi sáng bánh xe nghiêng trên đường sắt chở tôi đến trường lúc tuyết bên ngoài trắng ngập đường Philadelphia. Oanh đi làm tại ngoại ô. Thằng con bảy tuổi đi bộ một mình đến trường *Birney*, nằm trong một khu

đầy tội ác. Nó không còn có những giờ phút của một buổi sáng được mẹ dẫn đến trường như bài tập đọc đồng ấu: *Buổi mai hôm ấy một buổi mai đầy sương thu và đầy gió lạnh, mẹ tôi âu yếm...* Nó đến trường như một người lính nhỏ, qua những dãy nhà hoang, những bờ vách vẽ đầy chữ, và những đống rác ngập đầu. Nó cũng như tôi. Thêm một lần làm chiến sĩ. Chúng tôi phải chiến đấu. Ngôn ngữ. Chữ nghĩa. Thân phận tỵ nạn. Chỉ khác với người lính, chúng tôi không có hàng ngũ. Chúng tôi đã phải chiến đấu đơn độc trong khi chiếc *trolley* vẫn đi đi, về về và những chú bồ câu vẫn làm tổ dưới những mái ngói, hay gầm cầu của khu Logan.

Logan hay *Lò Gan*. Nơi thử lửa. Nơi tội ác, drug, ăn trộm xe, nơi những người tỵ nạn ba bốn giờ sáng tụ họp bên đường *Old York* chờ những xe buýt mang về nông trại để làm tiền mặt. Người đàn ông đến trường, mắt mờ trên trang chữ nghĩa. Đứa con ngày mỗi lớn, không còn đứng trên chông gạch cố gắng mở khóa. Người đàn bà thì ngồi trên lầu nhìn

xuống đường ước ao một chiếc xe cũ. Từ một cõi người, chúng tôi đã có mặt, cùng tiếng bánh xe nghiêng lách cách của chiếc *trolley* và những đàn chim bồ câu. Từ cõi người, căn phòng thuê với giá rẻ mạt, cánh cửa sổ đóng kín ngày đêm, đóng cả đỉnh mười hai phân như một pháo đài, để người tị nạn hiểu thêm cái đau nhức của kẻ xa nhà. Con đường *Old York* rác rưởi. Bên đường là tiệm giặt. Kế đến là ông già *Somershoe*, chuyên viên địa ốc, mà toàn thân chủ là đám tỵ nạn Việt Miên Lào. Dưới lầu là tiệm tạp hóa Đại hàn. Bên cạnh là những ngôi lầu cũ, rất cũ không ai săn sóc bảo trì. Đó là *Lò gan*. *Lò sắt*. *Lò thép*. Hay là *lò hầm hui côi cút*...

Người đàn bà mỗi ngày chỉ có cơn mơ: Ước gì mình có một chiếc xe cũ. Anh nè, khi học xong, làm việc có tiền, nhớ mua một chiếc...

Thằng bé thì mơ Ông già Noel cho nó một chiếc xe điều khiển tự động.

Người đàn ông thì không mơ. Hắn cứ vào thư viện, trầm mình trong cõi sách vở. Nhưng sau đó, hắn bắt gặp bóng hắn in trên vách. Cô độc. Mất mát.

oOo

Phải. Đi học. Hai chữ ấy không phải quá dễ. Nó đòi hỏi một sự cố gắng, kiên trì và gian khổ. Bởi vậy đêm nào ngày xưa người cha cũng làm cho con một ly sữa hột gà để đứa con có sức mà học. Bởi vậy trước khi thi người mẹ mới vái nguyện cho con được thành công. Bởi vậy, cả thành phố như thể căng thẳng cùng cả ngàn, cả vạn học trò trong trường thi. Bởi vì cái bằng là một quyết định. Nó làm gia đình hãnh diện, vợ đẹp con ngoan, mới tiến sĩ, bác học giáo sư in trên những danh thiếp. Bởi vậy mới có đẳng cấp trong xã hội. Bởi vậy mới có những lời buồn bã của một thế hệ: *Ta hỏng Tú Tài. Ta đợi ngày đi. Đau lòng ta muốn khóc...*

Nhưng bây giờ, nhất là đối với một kẻ đã bước vào số tuổi 40, việc học hành còn phải khó khăn gấp bội. Càng gấp bội hơn nữa, khi miệng lưỡi mình đã quá cứng, bộ bán cầu não của mình chỉ toàn rượu chè, đàn bà, súng đạn, hận thù, chém giết, khi trí thông minh đã bị mốc rêu, khi đêm ngày chỉ ám ảnh bởi những cơn ác mộng cùng những lo

toan của cuộc sống mới.

Như vậy, hành trang nào ta mang theo, vũ khí nào ta nương cậy, để ta không thể bỏ cuộc, mà lại có mặt giữa cõi người trẻ tuổi, đầy sinh lực và thông minh. Như vậy tại sao sau khi tốt nghiệp chỉ có mỗi một mình ta là kẻ duy nhất trong phân khoa điện toán được một công ty lớn tuyển chọn trong số rất nhiều thí sinh được phỏng vấn hôm ấy. Xin tha lỗi cho tôi khi phải viết những điều hết sức cá nhân này. Tôi thật áy náy, nhưng tôi lại nổi khùng rồi. Họ nói chúng tôi là phản động, dĩ điểm, qua Mỹ chỉ làm đầy tớ. Bởi vì tôi muốn nói là nhờ trong huyết quản của chúng tôi, vẫn còn chảy đậm cái cao ngạo của chất lính nói chung và cái danh dự của một người sĩ quan trẻ Thủ Đức nói riêng... Bởi vì chúng tôi là những sĩ quan trí thức.

Có phải vậy không?

Phải. Cái chất lính đã chảy trong huyết quản. Cái chất cao ngạo, ngang tàng. Cái chất ương ngạnh. Nó đã dạy ta danh dự là thế nào, gian khổ như thế nào, chiến đấu như thế nào. Nó bắt ta không cần thắc mắc suy nghĩ, cứ lao

về phía trước. Nó không dạy ta nãn nhưng dạy ta bất chấp.

Bởi vậy có nghĩa lý gì khi đêm đêm ta chùi cầu tiêu, đổ rác, nhật băng vệ sinh, chùi bàn ghế điện thoại, chùi kính, để ban ngày ta đến trường, ngồi ở hàng đầu bởi vì mắt ta không còn nhìn rõ. Đâu có sá gì khi ngồi trong lớp học xa lạ, khi cuộc đời của ta bị mất hết, mất đến mồ mả ông bà, người thân kẻ sơ, mất đến từng cọng cỏ cọng lau cũng mất. Nhưng chắc chắn cái gốc đánh giặc, gốc người lính thám kích, gốc Thủ Đức này sẽ không thể bị mất.

Ta biết được điều đó. Bởi vì sau này những người phỏng vấn đã cho ta biết, sở dĩ họ chọn ta vì họ tin rằng ta sẽ vượt qua tất cả. Dù Anh ngữ ta trung bình. Dù ta đã lớn tuổi. Dù ta rất lúng túng trong khi ngồi ăn chung với họ trong ngày phỏng vấn.

Họ không thể ngờ có một kẻ đến từ địa ngục lại vươn lên và đứng dậy. Nhưng họ đã không hiểu vì sao.

Thủ Đức gọi ta về

Trong những buổi giao mùa, trời gầy lạnh, trên cao một bầu trời như xám đục, và dọc đường, những hàng cây trơ trụi lá, và cuối tầm nhìn là rừng đen sậm in trên nền mây. Những buổi như thế, ta lái xe đi làm, mà trí bỗng nhiên nhớ đến một quá khứ nào. Như thể đất trời đẩy đưa trí nhớ ta về một vùng đất xa xôi.

Quê hương đất nước. Nó không nhất thiết là nơi chôn nhau cắt rún, là chỗ thiên đường tuổi nhỏ hay là vùng trú ngụ để ta mệt mỏi mà tìm lại sau những mệt mỏi của cuộc đời. Nó còn hơn thế nữa. Nơi nào mà máu ta đã đổ xuống. Nơi nào mà bạn bè ta đã chết. Nơi nào mà những ngọn rau, những bông súng đã

nuôi dưỡng ta khi ta đói khát, nơi nào mà đời ta bị lụt ngập trong bùn sinh, mưa lũ, địa ngục tha ma, mà trên bầu trời, ta vẫn còn thấy những vì sao đêm để mà còn thì thầm: *Em hãy đếm những vì sao trên bầu trời được bao nhiêu thì anh yêu em bấy nhiêu.* Nơi nào, núi cao rừng già, có lần ta hoảng kinh để nhận ra ta chỉ là con số không nhỏ bé. Nơi nào đầm lầy mênh mông u tối như chưa có bước chân ai dẫm đặt để ta tự hào mình đã có mặt khắp nơi khắp chốn của quê hương. Nơi nào thấy bước chân của tuổi trẻ xướt tê đau thốn một lần. Nơi nào những địa danh lạ lùng mà gần gũi. Dakto, Daksuk, đèo Nhông, Kỳ Sơn, Phước Lý, Đồi Mười, Kinh Một, Kinh Chín, Kinh Tám Ngàn... Nơi nào, dù chỉ là vũng nước trâu, để ta phải vốc một ngụm cho đỡ chết khát. Nơi nào:

*Ngửa bàn ta nhem nhuộm bùn
tôi đi qua từng binh sĩ
cùng lúc mặt trời lên
tìm xin một nắm muối
ôi ba ngày đã qua*

*nắm cơm khô lạt đó
đã nói gì cùng chúng ta ?*

*Nơi này không nhà cửa
Nơi này không đồng bào
Nơi này không súc vật
Nơi này có là quê hương?*

(Bữa cơm trên Sơn Kim, thơ Luân Hoán)

Nơi này có là quê hương? Những câu hỏi được đặt ra trong một cuộc chiến buồn thảm, tang tóc, ảm đạm. Có phải là quê hương khi những vùng đất chỉ còn lại là những bãi mồ hoang địa, khi không có một ngọn cỏ hướng hồ là cọng rau, không súc vật, không đồng bào. Tác giả đã hỏi. Chúng tôi cũng đã hỏi. Đã hỏi khi hai bên đánh nhau trên ngọn đồi trọc chỉ toàn là gai nhọn và hang đá. Đã hỏi khi sống chết trên những xó rừng vô danh nào đó. Đã hỏi khi nhìn thấy trên đường mòn di chuyển trên Trường Sơn những bộ xương người, những chiếc đầu lâu trắng hếu...

Nhưng bây giờ ta mới biết. Biết đến muốn đập đầu cho máu toé ra lai láng. Bởi vì dù bây giờ có nhà cửa, có đồng bào, có súc vật,

nhưng quê hương thì ở nơi nào mất biệt.

Chỉ có chãng là nổi nhớ da diết:

Trời ơi thêm lắm lên đồi cũ

Xem thử bên sông khói lũng chiều

Xem thử nhà ai bông cải chạp

Có vàng như màu áo người yêu.

(thơ Trần Hoài Thư)

Bởi vậy, xin hãy để cho ta trở về cùng quá khứ. Xin cảm ơn Tăng Nhơn Phú đã dọn đường cho ta đi. Đi để có thể biết thế nào là ý nghĩa của quê hương cho dù chỉ là một nắm đất và niềm tự hào:

cát vẫn nguyên màu trắng Chu Lai

đường xưa hàng quán biết còn ai

hốt dùm nắm đất đưa ngang mũi

thử có hương giày Sư Đoàn 2 ?

(thơ Luân Hoán, trong tập thơ "Cảm ơn đất đá trở thơ. Lòng ta hạt bụi vu vơ bám hoài")

Thư về người đàn anh

Thủ Đức

Cuối cùng tôi cũng gặp lại anh, bằng những giọng chữ quen thuộc đạo nào. Cảm tạ anh, Năm Râu, người bạn của một thời trôi nổi. Cảm tạ anh về bài thơ anh viết, tặng tôi, Đại bàng, Lê văn Bằng, những người may mắn còn sống sót từ một thời bộ binh thám kích xa xôi, cũng như Cư, Lý, Hảo, Chấn, Sơn, những sĩ quan nằm xuống của đại đội cũ. Ai còn, ai mất sau gần ba mươi năm, với bao nhiêu chặng đời đắng cay, cay đắng, với bao nhiêu thăng trầm của lịch sử, những biển dâu, dâu biển nào nùng. Gần ba mươi năm mà như thể hôm qua, tôi thấy anh như còn đứng đấy. Phía trên cao là Tháp Bạc, dưới triền đồi là Tháp Vàng, dưới chân đồi là

Tu Viện Nguyên Thiều và xa hơn nữa là con sông Xây. Anh đứng ở đấy, hai vai nặng cùng sợi dây ba chạc, những trái lựu đạn, chiếc đĩa bàn, và khẩu súng Colt khi anh thay mặt Đại bàng dặn dò lệnh lạc trước khi đại đội xuống núi. Tôi thấy lại anh, râu và tóc. Đôi mắt sâu và sáng. Hoan lạc cuộc đời. Say đắm cuộc đời. Chấp nhận cuộc đời. Bình thản. Không thắc mắc. Dù chúng ta làm sao biết mỗi lần quân xuống, quân đi, quân lao vào trận địa, ai sẽ là người không may mắn. Dù chúng ta chưa một lần đặt một câu hỏi về một chuyến đi. Tiếp viện. Nhảy điều hậu. Hộ tống. Đi nằm đường. Đi kích. Đi tăng phái cho trung đoàn. Xin cho tôi khẽ nhắm mắt. Có phải tôi đứng trước trung đội cánh phải. Sau tôi là Thượng sĩ người Nùng, Lương văn Tướng. Rồi Y Dao, mang 79. Rồi Nay Lat, tiền sát viên. Rồi Y Moon. Rồi Đông mang máy. Có phải con chó vàng của đại đội cứ vẫy đuôi mừng rỡ từ người lính này qua người lính khác. Nó đã trở nên một phần tử của gia đình. Nó lim dim mắt dưới những bàn tay vuốt. Nó cũng biết vui khi thấy đám

quân trở về, và cũng biết buồn sau khi đơn vị một lần thua lỗ. Nó cũng biết sợ, không dám sửa, khi đạn pháo kích rớt chụp xuống đôi. Nhưng nó làm sao biết có một chuyến đi, để lại sân đại đội cái lạnh tăm của sỏi của cát. Cái chuyến đi đó, những người ngồi trên xe mười bánh nhìn ra ngoài bên. Rừng An Khê. Rừng Pleiku. Rừng KonTum. Rừng Dakto, Daksuk. Rừng thì chập chùng như cả Trường Sơn. Rừng in đậm nền trời xám và mờ sương núi. Rừng mang tai mang họa. Rừng khiến tự đứng xe tăng đại pháo âm âm, bốn bề sau lưng bốn bề sóng dậy. Tôi thì ngỡ Đại bàng, anh, Lê văn Bằng, và bao nhiêu người của đại đội đã ngã gục. Bởi vì, làm sao da thịt lại chịu nổi những biển lửa, những hàng hàng đại pháo, những cuồng điên của lính Bắc quân khi họ chọn đơn vị anh làm thí điểm. Tôi viết đến đây, bằng tất cả sự bình an của chính mình, sau hơn hai mươi năm, về một cuộc chiến kỳ lạ, vô ích, phi nghĩa, phi nhân. Lúc này, chúng ta có quyền thẩm định về giá trị của chiến tranh và lịch sử. Nhưng tôi không thể bình an khi cái cuồng

điên kia đã trở thành thú tính. Họ rõ ràng hơn chúng ta. Bởi vì họ có cả một khối thép thành trì bên ngoài và khối thép căm thù bên trong đầu óc, và con tim họ. Còn chúng ta thì cô đơn. Qua xứ Mỹ anh đã hiểu về nỗi cô đơn ấy. Chúng ta đã chiến đấu trong nỗi cô đơn và quả cảm. Và chết cũng quả cảm và cô đơn. Như bao nhiêu đứa con của một đại đội bộ binh. Như bao nhiêu người trẻ tuổi không may sinh vào một nơi đầy bao nhiêu tai ương lớn lao nhất của quả địa cầu.

Nhưng anh đã không chết. Anh già vờ chết, nằm giữa bao nhiêu thây xác người. Rồi bao nhiêu đôi dép Bình Trị Thiên đã đạp, đã chạy trên mình. Rồi la gào. Rồi tung hô chiến thắng vang dội cả rừng núi Dakto. Anh nghe họ truyền nhau tau giết chết tên tiểu đoàn trưởng Hắc Báo rồi. Vâng, ai cũng nghĩ là anh đã chết. Máy đứt liên lạc. (Mà còn ai để liên lạc nữa, ngay cả sư đoàn trưởng cũng không còn nữa). Và Dakto, phi trường, bãi trực thăng, những hầm hố phòng ngự, xác người phơi đầy. Phơi chẳng còn ai đến hốt.

Rồi sẽ trương sẽ sinh, cũng như con trâu con bò bị chết lâu ngày. Chỉ có khác chăng là những người nằm ở đây bị cháy thui, mỡ khét, thân thể bị loét lở, chỉ còn hàm răng trắng hếu.

Năm Râu thân mến,

Tôi không thể ngờ anh lại khinh mạn cùng cuộc chơi đến như vậy. Còn tôi, Ba Cận Thị, thì quá sợ. Sợ đến độ ỉa cả trong quần. Anh không biết suốt gần mấy tiếng đồng hồ tôi đã gặm nhắm thế nào là nỗi sợ. Tôi đã nép cả thân thể vào cái hòn đá giữa núi Kỳ Sơn. Anh hẳn biết phần lớn đồi Bình Định thì trọc. Tìm được hòn đá để mà bầu vùi trong khi đại đội bị lọt vòng vây, giữa một thế trận phe bên kia dọn sẵn thì quả là phép lạ. Nhưng tôi may mắn được tìm nó. Dù nó quá nhỏ, quá thấp. Nó vươn lên lạc lõng giữa bãi đầy bụi và gai mắt mèo. Nhưng nó đã che chở hàng trăm hàng ngàn viên đạn từ trên cao bắn xuống, sỏi đá sỏi đất. Họ đã nhận ra con mồi, và họ thử tài thiện xạ. Còn tôi thì vô vọng, bất lực, cổ khô đắng, trong khi trên

đầu, mặt trời thì nắng lửa hừng hực rọi xuống. Tôi đang ở giữa cái biên giới của nổi sống và nổi chết, nổi chờ đợi và sự tuyệt vọng. Tôi muốn chạy muốn đào như mọi người, nhưng tôi lại sợ nòng súng trên cao đã hờm sẵn, chực đâu tôi ló ra là bóp cò. Còn nữa. Còn cái vực sâu thăm thẳm ở đằng sau tôi. Tôi có đủ can đảm để nhào xuống đấy không? Trong tôi chỉ là một trạng thái co giằng mãnh liệt: Sự sinh tồn và nổi khiếp hãi. Tôi đã nhìn lên mặt trời và máu meo. Lúc này ai cũng nghĩ đến bản thân của mình. Tôi cũng chẳng cần bận tâm gì đến những xác nằm bên cạnh. Viên đại úy cố vấn đại đội nằm úp mặt xuống bờ đá, thân hình to lớn kình càng. Thiếu úy Lý Pháo Bình, Chấn, trung úy Hảo, và những người đồng đội không may khác. Họ nằm đấy, mỗi người có kiểu thế riêng. Người thì nằm ngửa, người nằm sấp. Người co quắp lại như con tôm. Người nằm giang hai tay hai chân thanh thẳng. Rồi một lúc nào đó, tôi nghe bên cạnh giọng nói của người trung đội phó, Thượng sĩ người Nùng Lương Văn Tường: "Ông Thầy

phải tìm cách chạy, nếu không chúng xài phóng lựu thì chết hết" Tôi bắt lựu nhìn ông, "Nhưng chúng bắn quá rát, làm sao tôi có thể chạy được? " "Ông Thầy nghe lời tôi. Chúng ta cùng chạy một lượt. Chúng sẽ không có thì giờ mà nhắm đâu". Và chúng tôi đều cùng chạy. Lúc này tôi không còn sợ nữa. Tôi nhảy đại xuống vực sâu. Tôi cũng chẳng cần biết chiều sâu bao nhiêu thước. Sự sinh tồn đã lấn áp lý trí. Mãi đến bây giờ tôi vẫn còn tự hỏi: Phép lạ nào đã cứu tôi giữa bốn bề âm binh quỷ sứ?

Từ buổi ấy, Ba cận thị bỏ đồi bỏ núi đi tìm nơi nương náu để chờ đợi hòa bình. Tôi về Nha Trang, Phan Rang, trú ẩn trong chùa, hay trong ngôi nhà tôn ở bãi xương rồng mà Nhà đã thuê trọ. Con đường sắt và buổi sáng buổi chiều nghe tiếng còi tàu cùng những bụi xương rồng khiến tôi càng hiểu rõ hơn về tuổi trẻ. Lúc ấy tôi đã viết những truyện và thơ trên Bách Khoa mà sau này, qua điện thoại, anh vẫn thường hay nhắc: *Trưa Địa Ngục, Ngựa Nản Chân Bon, Về*

Trời, Quán Biên Thùy...

Rõ ràng tôi quá hèn. Chỉ còn anh, Năm Râu, vẫn còn lại trên những triền đồi cao nguyên heo hút. Năm Râu của râu và tóc. Năm Râu gầy guộc, nhưng đôi mắt như hai vực sâu và sáng. Năm Râu vẫn mang sợi dây ba chạc, khẩu Colt. Năm Râu vẫn đứng ở ải đầu, vẫn dẫn quân giăng ngang phòng tuyến từ miền biên ải. Còn Ba Cận Thị, năm tháng sau trở lại quân vụ thị trấn trình diện, sau đó được chuyển lên sư đoàn 23 ở Buôn Mê Thuột. Năm Râu mất bóng Ba Cận Thị. Ba Cận Thị cũng bật bóng Năm Râu. Nhưng tại sao Năm Râu lại không chịu cho Ba Cận Thị biết tin sau khi anh đọc bài Thư về Năm Râu của tôi trên Văn Học? Năm Râu làm tôi phải nhớ để mỗi lần tôi cầm ngòi bút. Không phải anh là thần tượng để tôi ngưỡng mộ. Cũng không phải là người hùng có một trong đời. Những huy chương đại bàng đều chia đều đặn. Và có lẽ tôi là kẻ, sau đại bàng, bị thương ba lần. Nhưng tôi đã tìm ở anh cái bóng tôi nương nhờ, giúp tôi thêm ngọn lửa

để tiếp tục cuộc hành trình.

Phải, Năm Râu hẳn biết, tôi có một tật xấu như đàn bà. Cái tật hễ uống rượu xong thì đập đầu vào tường mà khóc. Bởi anh biết không, tôi có một tuổi thơ mà triệu triệu trẻ em trên địa cầu này không hề có. Rồi nổi bất mãn về tuổi trẻ. Cái nổi loạn của một tên thanh niên bị guồng máy hành hạ không sao thoát khỏi. Và cả đến tình yêu của tôi. Ngay cả một người con gái mà tôi yêu điên cuồng cũng bỏ tôi mà đi vì nàng không muốn trở thành một kiếp góa phụ. Anh không biết những giọt lệ lạnh cả lòng, khi phải nhìn một người mình yêu lên máy bay mà thì thầm: *Một chuyến bay nào mang anh về Saigon. Một chuyến bay nào mang em về Qui Nhơn. Trời quê hương mù sương mù sương. Anh mang đôi mắt em buồn muốn khóc...* khi chúng tôi đợi máy bay ở phi trường Phú Bài. Một người đi Saigon để vào Thủ Đức. Một người về Qui Nhơn để làm cô giáo quận lỵ. Cái bất mãn chỉ có rượu mới bùng nổ. Nhưng anh đã có mặt để an ủi tôi. Anh lão

đảo kéo đầu tôi dậy. Và đôi mắt đỏ ngầu. Anh chụp cổ tôi lay mạnh. "Này Ba Cận Thị, mày xem kia. Qui Nhơn đẹp tuyệt vời kia kia. Mày phải tự hào. Bởi vì mày chiến đấu để bọn chúng nó bình yên, để Qui Nhơn, Tuy Phước, Đập Đá, Bình Định bình yên..." Nhưng tôi đã hất tay anh ra, la hét trong hơi rượu: "Nhưng ông không biết giữa lúc này chúng nó đang ăn chơi, đang viết văn chửi rủa chúng mình, đang ngủ với gái, đang nhảy đầm... Một ngày yêu nước yêu tổ quốc cũng quá dài, hướng hồ cả ngàn ngày..." Nhưng anh đã hét lên: "Ba Cận Thị mày làm sao biết có kẻ nào bất mãn thì chính tao đây. Tao khóa 13 mà còn mang lon Thiếu úy. Tao ra trường nó tổng tao ra Bến Hải chơi với hàng rào Mac Namara. Tao bị đá như đá trái banh. Nhưng tao vẫn chấp nhận. Bởi tao không muốn Qui Nhơn của tao bị mất. Mất có nghĩa là mất hết. Mất cà phê Bạch Tuyết. Mất đêm Hòa Bình. Mình phải cao cả. Mày thấy không, cả Qui Nhơn rục rĩ ánh đèn kia kia..."

Năm Râu ơi, anh đã nói đúng. Ít ra bọn mình cũng còn những ngày về lêu lổng dưới Qui Nhơn. Ít ra khi nhìn lại cây xăng Ông Tề tôi vẫn còn đôi chút tự hào, rằng nơi này có lần máu mình đã nhuộm thắm lòng đường, lai láng túi áo trận, để cho bao xe cộ dập dìu qua lại, và để cả thành phố bình yên. Ít ra khi mình nằm bên gò mả, hay chui rúc bên bờ kinh, đêm đêm tai mình vẫn còn nghe tiếng chày giã gạo, và đêm đêm mình vẫn còn nghe tiếng cười dòn dã của những cô gái quận đi xem cải lương về muộn...

Và giờ đây, câu nói của anh lại càng đúng hơn bao giờ. Bởi vì tao không muốn Qui Nhơn của tao bị mất. Mất có nghĩa là mất tất cả. Câu nói như một lời tiên tri. Giữa cõi hồng trần sinh tử, con báo đen phải làm gì để giữ vững những thành trì, để cho Qui Nhơn, Bình Định khỏi mất.

Nhận thơ ông tôi rất mừng. Như vậy là mình không còn bâng khuâng tìm kiếm ông nữa. Mình còn nhớ là ông rời 405

Thám Kịch vào năm 70 hay 71 gì đó, và từ đó mình cũng bay lên Kontum làm đại đội trưởng 404 Thám Kịch. Rồi sau đó sang trung đoàn 42. Bị đánh tan hàng ở Dakto. VC chạy đập lên lưng la lên tau bắn chết thằng tiểu đoàn trưởng Hắc Báo rồi. Vì nó vào hầm của mình lấy được bộ đồ bông ba mai có tên mình và bản đồ. Nó có ngờ đâu mình giả bộ chết nằm chung với đồng bạn ở dưới chân. Lúc ấy 5 giờ sáng ngày 24-4-1972. Từ đó cứ ngược xuôi giải tỏa Bồng Sơn, Phù Mỹ, Phù Ly... rồi bay lên Kontum, Pleiku, Phú Bổn, Buôn mê Thuột. Cuối cùng năm 75 lại đưa lưng đỡ đạn không cho địch quân tràn xuống tại chân đèo An Khê nơi mà tụi mình đã từng lên xuống... Đơn vị mình về Qui Nhơn sau cùng để cho các trung đoàn 41, 47 rút về Qui Nhơn trước. Ai ngờ Qui Nhơn địch chiếm. Đơn vị mình chạm trán với địch tại Gành Ráng, khu Sáu và bị đánh tan hàng. Từ

đó làm tù binh...



Viết thêm cho anh đây, Năm Râu. Tôi viết sau khi dự lễ khánh thành đài *Vietnam Memorial Monument* tại tiểu bang này. Phải chi Vietnam được đổi thành chữ Vietnamese nhỉ. Hơn hai mươi năm sau cuộc chiến, nỗi tri ân đối với người đã khuất vẫn còn ghi khắc sâu đậm trong con tim của những người còn lại. Họ, đã mang lại bộ đồng phục cũ, huy hiệu đơn vị cũ, chiếc nón rùng cũ, đôi giày trận cũ. Họ lặng yên cúi đầu. Họ làm sao biết tôi cũng có những đồng đội một thời như họ. Những Chấn, Hảo, Sơn, Nai, Vọng, Cư, Nga, Hạnh và bao nhiêu người khác. Họ đã ngã gục bên tôi. Họ đã nằm sấp, nằm ngửa. Họ đã gọi tên vợ con. Họ đã cố gắng bò và trườn. Người lính tiền sát nào, trước khi nhắm mắt, còn cố gắng tháo sợi dây chuyền có tượng Phật Bà Quan Âm trao cho tôi: *Nhờ ông thầy trao lại cho con vợ em, để nó trang trải nợ nần.* Còn người lính to lớn nhất đại đội, mang đại liên, thì càng tội nghiệp. Hấn vùng vẫy, rên xiết, thét gào.

Tiếng la dội cả một không gian hùng hực khối lửa và nắng mặt trời thánh năm. Rồi tất cả lặng yên. Dù chiến trường hôm qua, cỏ đã cháy đen, rừng đã tro trụi, đá vẫn còn nóng hổi, và những xác người đã chảy thành mớ dưới hàng hàng trái bom xăng đặc. Họ nằm đấy, từ góc rừng góc núi, trên triền sơn hay dưới bờ kênh bờ lạch. Trên đầu mây vẫn dịu dàng, nắng vẫn vàng thắm, và mưa vẫn nhỏ giọt theo từng cơn gió Hạ Lào.

Họ vẫn nằm đấy, nhưng họ vẫn chưa được yên nghỉ. Mộ họ bị cày, bị xới. Người chết mà còn như vậy huống hồ là người còn sống.

Hôm nay, trời mưa vào ngày Tưởng Niệm. Trời đang khóc hay người đang khóc. Có nỗi buồn nào hơn, khi người kiến trúc của Đài Tưởng niệm là người Việt Nam, và một người có cả trăm cả ngàn cả vạn người đồng đội, thì chẳng tìm ra một tên quen thuộc. Ở đây, người đã khuất còn được nhắc đến mỗi ngày, và người còn sống vẫn còn có một nơi để trở lại, đứng trước mộ, trước bia. Cho dù chiến tranh có phi nghĩa hay có lý, bị nguyên

rũa hay đề cao, nắm đất vẫn là quá nhỏ cho một cái chết. Làm gì mà phải trả thù họ. Và nói theo luật nhà binh, họ là đàn anh, bởi vì họ chết trước. Họ là người gát cổng. Họ sẽ bầm thây những kẻ đã bầm thây họ. Họ sẽ hành hạ lại những kẻ đã hành hạ họ. Họ sẽ vát vào vạc đầu những kẻ đã cày đã ủi nắm mồ của họ, khiến họ phải thành ma xó, ma hời..



Anh bạn cựu chiến binh Mỹ ơi, anh thật may mắn bởi vì anh được sinh ở đất nước này. Còn tôi, chỉ có mưa, chỉ có núi rừng xa lạ, chỉ có xa lộ đập đìu, chỉ có thân phận của người xa đất nước. Và nếu có, chỉ có những bia tưởng niệm trong con tim thổn thức này. Tôi đang cố đọc lại từng tên, nhớ từng gương mặt, ráng nghe những lời cuối cùng. Để làm gì. Một bãi tha ma cuối cùng, không còn ai nhắc nhở. Và biết chắc, sẽ có bao nhiêu triệu hồn ma đói kêu gào vát vường đòi lại mạng, lại mồ.

Memorial Day 1995

Những người muôn năm cũ

Cũng muốn ghé lại quán bên đường gọi ly cà phê. Cà phê nguyên chất từ Pháp hay Columbia... Cũng muốn trở thành một người lữ khách dừng chân một quán bên đường để nhớ nhà đốt lên sợi thuốc. Nhưng ở đây không cho ta được quyền đốt lên sợi khói lãng du. Thì phải đi ra ngoài, bật lửa quẹt diêm, mà ngóng về phía đồi núi in trên nền trời xám trắng:

*Ghé lại Dunkin gọi cốc cà phê
Cô hàng mắt xanh nhìn ra ngoài cửa
Ngày cuối năm bầu trời thiếp ngủ
Những nhánh cây gầy gượng nín mùa đông*

*Cô hàng ơi, đôi mắt quá trong
Sao không thấy lòng tôi quay quắt
Sao không thấy mắt tôi mờ trên chiếc cốc*

Nhìn nỗi buồn đặc sệt chưa tan

*Vàng người con gái nào cũng mắt tâu than
Cũng bí mật như lòng kim tự tháp
Tôi cũng muốn đùa, con chim xứ tuyết
Ngày cuối năm, em lại buồn so
Bắt tôi tội tình lòng dạ để đâu*

*Ghé lại Dunkin gọi cốc cà phê
Nhớ bạn, ra ngoài đường đốt thuốc
Một chút cay cay xé nòng con mắt
Như khói mù buổi sớm Việt Nam
Cốc xây chùng để lại Qui Nhơn
Chắc sẽ nguội và đọng thành lệ đá*

*Trang giấy nợ ta có lần ghi số
Còn chừa ta, một kẻ, chạy làng*

*Thì xin cô hàng một cốc tang thương
Đời cũng đôi lần bỗng thềm chất đắng
Cũng có khi muốn hòa nước mắt
Nhấp theo từng hớp nhỏ héo hon
Của một người bỏ nước lưu vong...*

(Cuối Năm trong Quán Cà Phê Mỹ)

Nhấp theo từng hớp nhỏ héo hon. Tại sao lại héo hon trong khi cà phê toàn là những hạng danh tiếng nhất của hoàn cầu?

Có lẽ ngày xưa, vị cà phê có vị thân tình. Bởi vì ngày xưa, quán cô hàng là nơi để ta trở lại. Để ta ngồi trong một góc, và phà khói cho gương mặt cô lãng đãng mù sương. Bởi vì có cô tuổi trẻ của ta còn được an ủi một phần nào:

*Cô hàng cho xin ly cà phê nhỏ
Tôi uống cho đầy đôi mắt trong
Một mai tôi chết bên trời Bắc
Em làm sao được khóc bên song*

*Tôi mang gió núi miền Trung lại
Em sưởi òi dùm tôi một mảnh tình
Đôi khi thấy lá bay đầy phố
Ngỡ hồn mình hiu hắt mùa thu*

*Cô hàng có chiếc quần đen mượt
Tôi □ trên rừng để tóc râu
Một đời phải sống qua ngày tháng
Mặc dù đôi lúc quá buồn thiu*

*Tôi trót sinh làm tên du thủ
Ai mang tôi một chút hơi hướm
Chưa ba mươi sao già quá đỗi
Nửa đời người hay một trăm năm*

*ừ nhĩ hình như trời đang sương
Người bỏ tôi đi vào đêm không trăng
Đêm quá tối, người làm sao thấy
Những nỗi buồn chất ngất Trường Sơn
(Thời chưa đầy ba mươi, thơ THT)*

Còn nữa, còn có một thứ gì quá chùng khan hiếm. Đó là vị san xẻ nhau trong khi hoạn nạn lao lung.

Ta nhớ đến những đêm bạn bè ngồi quay quần quanh bếp lửa tràm, chuyện nhau cốc cà phê đắng, hay điều thuốc Lào hay bát nước nhân lồng hay hà thủ ô, nhắm từng tí từng tí cục đường và nghe bạn bè cùng đàn, cùng ngâm thơ. Hải đàn những bản nhạc cổ điển. Cây đàn do anh tự làm trong trại. Giấy đàn là những sợi dây thép điện thoại. Nắp đàn là ván thùng. Khi anh đàn, mắt anh nhắm và

mắt chúng tôi cũng nhắm theo. Tiếng đàn đội vào tim óc chúng tôi, như thốn sâu, như ve vuốt, như nâng chúng tôi lên, đẩy chúng tôi ra khỏi bờ vực của đêm ma trời quỷ lộng. Người ta cấm chúng tôi hát nhạc vàng, nhưng người ta không hiểu những tấu khúc như Danuble bleue, Come back Sorronto, Ave Maria, Hương Xưa, Hoài Cảm, có giá trị gấp vạn lần nhạc vàng. Người ta muốn biến chúng tôi thành súc vật, hành hạ chúng tôi, đầy đọa chúng tôi như những tên nô lệ mới nhưng người ta không biết chúng tôi như những bông sen bông súng giữa cõi đầm lầy dạ trạch. Họ cố tước đoạt chúng tôi tiếng hát, nhưng chúng tôi còn có âm thanh. Âm thanh từ cõi nào sâu thẳm. Âm thanh mà chỉ chúng tôi có thể nghe và cảm nhận. Họ không thể thấu hiểu cái âm thanh đó. Với họ chỉ có một thứ âm thanh căm hờn, của chém và giết. Họ nhảy múa reo mừng quanh những thân người. Họ không thể lắng nghe cái âm thanh không tiếng nói nhưng có cả muôn lời run rẩy, muôn triệu vì sao, muôn ức tiếng lòng quán quít. Họ không hiểu cái đẹp là gì, nghệ

thuật là gì. Họ không biết tại sao chúng tôi lại nhắm mắt.

Những đêm như thế, giữa rừng, hay giữa đầm, trên một khu đất đây lau sậy, ống thuốc lào đã chuyễn nhau. Chúng tôi cùng nhắc lại, cùng kể cho nhau nghe những ngày tháng cũ. Ngày ấy chưa một lần nhìn vào mắt bạn để tự hỏi, ánh mắt bạn có nói những gì. Bây giờ mới hiểu. Dù miệng chúng ta câm, nhưng mắt chúng ta đã nói nhiều. Chỉ có những kẻ trong cuộc mới biết mà thôi. Có phải không, người bạn của ta.

Một bài thơ được viết trong quân trường

Chú lính Thủ Đức mặc áo vàng

*Cám ơn Ma Soeur đã cho con được nhìn Bé
Danh*

*Cám ơn Ma Soeur đã cho con thấy những giọt
nước mắt long lanh từ chốn vô cùng, vô cùng
sâu thẳm*

*Đôi mắt bé, ôi như đôi mắt chim non buổi
sáng không nhìn ra mẹ*

Đôi mắt khép lại cùng mặt trời

*Cám ơn Ma Soeur đã cho con nắm bàn tay bé
Cho bé xiết chặt thân con, vùi vĩnh chú lính ời
kể chuyện*

*Có gì ở bàn tay xinh xinh, tìm chiếc mũi,
chiếc miệng, đôi môi của con*

*Con xin Ma Soeur kể lại cùng bé khi con ra về
Chú lính Thủ Đức*

*Chú lính mặc áo vàng, con tìm màu vàng
Xin Ma Soeur kể con đường con đi đầy hoa
đầy bướm
Rừng núi có bầy tiên, đạn bom chỉ là pháo hội
Cám ơn Ma Soeur cho con nhìn giòng lệ của
chính lòng con.
(Mưa nắng quân trường, tạp chí Bách Khoa,
7/1967)*

Ngày cuối cùng với Thủ Đức

Cuối cùng ta cũng từ giã đôi Tăng Nhơn Phú. Cuối cùng, ta cũng như mọi người, ra khỏi cổng trường lính.

Cuối cùng, cổng số Một cũng mở ra, và hết người này đến người khác, hết khoá này đến khoá khác, bước qua, có thể theo xe hàng, xe lam, xe nhà, xe quân đội, để về Sài Gòn xin phương tiện trở lại nhà trước khi đi trình diện đơn vị mới.

Cuối cùng, ai cũng phải qua Nghĩa trang quân đội bên xa lộ, thấy Pho Tượng Tiếc Thương.

Cuối cùng, ta cũng trở thành một chàng chuẩn úy với cặp lon vàng mà ta mua ở Khu

Sinh Hoạt. Cuối cùng, ta cũng được người thợ may đo kích tấc để may bộ đồ đại lễ mà ta chỉ dùng một lần, cho ngày mãn khóa.

Cuối cùng, những vượt sông, leo núi, đi dây tử thần, những giờ dài lê thê học chiến thuật, địa hình, giả địch, làm bạn, hành quân cuối khóa, ta cũng xin được trả lại cho khóa đàn em.

Cuối cùng ta cũng nhường lại chiếc giường, chiếc tủ, khẩu súng trường của ta cho kẻ khác.

Cuối cùng, và cuối cùng, cát bụi đã phủ cùng thời gian, theo dấu chân của người Thủ Đức. Tiếng hô rền vang hôm qua khi ta quì xuống trên Võ đình trường, khi em đứng trên khán đài chia vui cùng ta, và khi bao nhiêu nỗi nôn nao cứ mọc lên theo từng giờ từng phút. Ta sắp trở thành một cánh chim sổ lồng. Ta sắp sửa bước vào thật tế thay vì những cơn mơ chú lính thủ đức mang con tim màu vàng, mặc áo vàng.

Có phải vậy không. Hỡi bạn bè ta, hỡi những Tài, Minh, Luân, Hiếu, Trọng, Khôi...

Đêm cuối cùng, bùng súng đứng trước Trung Nghĩa Đài. Hai người một ca. Găng tay trắng. Dây biểu chương. Chiếc nón cát kết chụp xuống mắt. Quai nón vòng quanh cằm. Đèn sáng thấy hình người sinh viên sĩ quan bắn cung. Tại sao ta lại muốn khóc. Không kèn, không trống, không điệu văn, không chiêu hồn tử sĩ. Chỉ có gió đêm. Gió của mùa hè năm 1967. Gió giữa một vùng đồi lửa cát. *Hồn tử sĩ gió ù ù thổi*. Những người đàn anh của ta. Họ cũng đã một lần bùng súng đứng nghiêm như ta. Đêm mùa hè, trời trong, càng về đêm trời càng sao sáng. Ta đang đứng nghiêm nhưng con tim ta thì đang gọi. Hỡi người đàn anh, xin phù hộ cho người đàn em này. Gió càng về khuya càng lạnh. Cả một quân trường đang ngủ. Không, có những kẻ đang thức. Như ta, như khoá đàn em của ta.

Bởi vì họ thật sự gánh thêm những tai ương mới. Họ không được may mắn. Và trung nghĩa đài này, không phải được dành ra để tưởng niệm khoá đàn anh, mà cả khoá đàn

em của ta. 5 sinh viên sĩ quan khoá 25 đã chết vì bị mìn sau khi rời khỏi cổng số 9 chỉ cách đây không lâu.

Đêm cuối cùng, có ta là đứng canh cho người đã khuất. Trên bầu trời đen tối, giữa muôn vàn tinh tú kia, thỉnh thoảng một vài vì sao băng. Từ một chòm nào giữa cõi bao la, vì sao bỗng xẹt nhanh, từ đông sang tây từ nam qua bắc, từ cao xuống thấp. Hay là lúc này có những người đàn anh của ta đã tử trận, và linh hồn của họ đã rời khỏi vì sao định mệnh của họ rồi.

Ngày cuối cùng, nhét tờ sớ vụ lệnh vào túi áo. Đại đội 405 thám kích Sư đoàn 22 BB. *(Ông trung tá nói ngọt như đường phèn: "Đơn vị này được lắm, chuẩn úy. Chuẩn úy tha hồ về phố sau khi hết hành quân...")*

Ngày cuối cùng, không dám kể đơn vị với cha ngoài nớ. Sợ ông buồn, sợ ông lại chửi thằng con bất hiếu. Dấu với bạn bè. Sợ chúng lại chửi đồ ngu. Tướng mày gà trời không chặt lại đi binh chủng thám kích. Lại nhè chỗ Bình Định ở VC Liên khu 5 mà

chơi. Bộ mày ham trở thành anh hùng hay bị em nào ngoài ấy bắt xác rồi. Không, tao không có ai, tao cũng chưa bao giờ đến xứ ấy. Đừng nói nữa. Tao van mày, Cung tích Biên.

Ngày cuối cùng. Người quân cảnh chào tay ta thay vì bắt ta vào 301. Anh chúc mừng ta. Anh chúc mừng mọi người. Tự nhiên lại muốn đọc lại câu thơ của Luân Hoán một lần nữa. Lần này ta gọi tên ta:

*hãy nắm chặt giây cương
này, trần hoài thư
ra khỏi nơi này sẽ gặp nghĩa trang*

Nén hương cho người Thủ Đức

(Để tưởng nhớ Lưu Trọng Đạt và Vĩnh Lộc, cử nhân Vạn Hạnh)

Hình như Cần Thơ là một định mệnh. Cần Thơ: với những thằng bạn nhậu, với những quán cà phê và các cô hàng rần lục, với những cơn say ngất trời. Và định mệnh đã bắt hai thằng bạn Thủ Đức cùng khoá, cùng trung đội - Quý và Định - cùng ghé lại trong những ngày đầu của chiến dịch. Ở đó, hai thằng đã có thêm những bạn mới. Gặp nhau, bắt tay kéo vào quán. Gặp nhau, tuần tự một đêm một nhà. Thằng khóa 13 có căn nhà gần lò cát rượ, có sân thượng nổi lên giữa xóm lao động, nhưng cũng thật gần với trời, với trăng sao, và cõi đêm huyền nhiệm. Thằng khóa 24 không có nhà, nhưng cũng cố tìm những chai rượ quý mà Ông nhạc đã gìn giữ trên mười năm trời. Thằng Không quân, căn

nhà bán hàng đang đóng cửa vì vỡ nợ, cũng sẵn sàng mở cửa rước hai thằng cho đến khuya. Cấn Thơ đã làm hai thằng muốn rơi nước mắt. Bởi chúng đã tìm được ở đây những tấm lòng hào sảng, những giờ phút ngắt ngây tình bạn hữu. Bởi vì ở đây, đêm trôi qua bằng những tiếng cười, hay những bao thuốc lá. Thời gian bèn bồng cùng những cốc rượu nồng hạnh phúc.

...Hầu như gần hai tháng, Quí và Định đã không về Cấn Thơ để gặp lũ bạn cũ. Hai thằng đã không có một lúc nào ngơi nghỉ. Năm giờ sáng thức dậy làm một bữa cơm rồi bắt đầu *Zulu*. Trung đội hai mươi mạng quanh quẩn với làng mạc, kênh rạch, sinh lây. Có ngày đặng. Có ngày vô sự. Có ngày súng nổ nhiều. Có ngày súng nổ ít. Có ngày địch pháo chặn đầu. Có ngày địch pháo chặn đuôi. Có ngày tiếp viện đôn bót. Có ngày máu đổ, người chết. Hai thằng chẳng buồn cạo râu cắt tóc. Rồi đêm đến, hết trung đội này đến trung đội khác đi ô. Ba giờ sáng thầy trò lui thủi ra về, khi màn đêm còn bít

bùng kinh dị. Cuộc sống vẫn chùng nẩy, mỗi mòn quen thuộc như những khúc phim chiến tranh. Hai thằng chẳng có lấy một thời gian rảnh rỗi. Nếu có chẳng là dành cho các cuộc nhậu thâu đêm suốt sáng. Đồi lính chỉ có bấy nhiêu. Chân lý chỉ có bấy nhiêu. Hai thằng đã sống nương tựa lẫn nhau và chưa bao giờ rời xa nhau. Trung đội thằng này tiến lên xung phong. Trung đội thằng kia bắn yểm trợ. Định nói máy hỏi han thằng Quý. Quý nghe máy chửi thề hỏi han thằng Định. Cuộc đời lính tráng đã khiến hai thằng khẩn khát như chưa bao giờ chúng khẩn khát. Phải chăng đó cũng là định mệnh ?

Một ngày, hai thằng cùng về phép Cần Thơ. Chúng không còn một xu trong túi. Chúng xuất hiện trước cửa nhà thằng khóa 24 vào ngày xế trưa. Chúng than đói. Thằng 24 chạy tiền rồi dắt hai thằng đến một quán cơm bình dân. Rồi tiếp theo là mục cà phê thuốc lá. Chiều tối cả bọn lại tụ bày trên sân thượng của thằng Không Quân bên những chai bia, sò huyết và cá khô sặc. Trời vẫn

đầy sao và hình như thấp xuống. Bóng mấy
thằng mờ ảo trong bóng tối. Từng chai bia
được khui nắp. Từng cốc rượu được nâng
lên. Hai thằng kể lại chuyện chiến trường.
Chẳng hạn một lần thằng Quý chém về chạy
đến xỉu. Chẳng hạn thằng Quý, tuy bề ngoài
dáng hùng hổ như con nhà tướng, nhưng thật
nhát hơn ai. (Tiếng súng nổ vừa dứt, lính đã
thấy hấn nhảy xuống kênh từ lúc nào).
Chẳng hạn, Định và mấy thằng lính lóc nhóc
dàn hàng ngang tiến lên mục tiêu trong khi
địch xài toàn B.40, cối pháo đầu pháo đuôi.
Người ta không còn nhận ra, trước kia, hai
thằng đã là hai cậu cử nhân với những hoài
vọng ngất trời. Rồi thằng Quý lại khích thằng
24. Thằng 24 bị khích nên xả láng. Từng cốc
đưa lên, nốc trọn. Những vì sao trải nhẹ như
một dòng sông ngân hà. Chốc chốc tiếng
cười của Quý hí hí. Chốc chốc Định la: *Hòa
nhã*. Rượu ngập lụt khiến những thằng trong
cuộc nghiêng ngửa. Không ai còn bận tâm
đến giây phút hiện hữu. Chỉ có những tiếng
cười khinh mạn. Bỗng nhiên thằng Quý la
lên: Uống. Lỡ mai tao chết, thì uống rượu

lắm. Không ai trả lời. Thằng nào cũng cảm thấy cái ám ảnh hung bạo đè nặng. Nhưng chúng cố quên. Chỉ có thằng Quý là nhớ.

Ngày hôm sau, hai đứa từ giã Cần Thơ. Trước khi đi, thằng Quý còn nói lần đi phép tới nó sẽ mang lên một món đặc biệt: Món mắm cá trê vàng. Nó coi đó là món ăn quý hiếm nhất mà nó đã khám phá trong những ngày đầu làm lính. Đôi mắt nó sáng lên. Lần đầu tiên tao mới thấy loại cá trê vàng. Chúng mày thấy loại cá trê này chưa ? Thằng 24 nhún vai: Nhiều lắm. Ở dưới huyết mả. Nhưng mấy thằng kia đã nhao nhao phản đối: Đó là cá trê đen. Khó mà gặp thứ cá trê vàng kia lắm.

Quý càng được thể, càng khoe: Tao có nếm thử mắm cá trê vàng một lần. Ngon tuyệt diệu. Thằng khóa 13 hỏi: Ở đâu ? Quý trả lời: Bí mật.

oOo

Trung đội Quý đi đầu. 20 thằng được lệnh tiên phong tiến về đôn binh đang bị địch vây hãm. Trung đội Định đi sau. Địch đông đảo và hùng hậu không ngờ. Địch chờ trung đội thằng Quý qua khỏi con kênh mới chặn đánh, đồng thời pháo dữ dội các đũa con đi sau. Trung đội Quý bị lọt vòng vây. Trung đội Định nhào lên tiếp ứng bị chặn lại. B.40, súng cối, đại liên địch nã như mưa bấc. Mười phút sau, Định không nghe Quý lên máy. Im lặng ghê rợn. Định cố nhào lên. Địch lại pháo. Đám quân đằng sau rút lui. Định núp dưới bờ kênh, không dám ngóc đầu. Súng vẫn nổ rất ở đầu toán quân tiên phong. Định lại la trong máy gọi Quý. Đạn địch lại pháo xuống. Định nép người vào bờ đất. Bùn sinh bắn dính đầy mặt. Một lát trong máy có giọng Quý: Tôi là chuẩn úy Quý. Tôi đã bị nhân dân bắt làm tù binh...Quý nói nhiều lắm. Định cắn bầm môi. Giọng Quý rõ và tuyệt vọng như con thú sa cơ. Định gào to trong máy: Tao là Đống Đa đây. Sao mày lại như thế hả Quý. Tiếng gào của Định đã chìm trong cơn địa chấn.

oOo

...Đường như có một phép màu nhiệm đã giúp Định được bình yên trở về. Định đã phân tán và rút lui ngay trên đầu, khi nó ép người vào bờ kinh, thân thể phủ đầy lau cỏ. Lần đầu tiên, nó mới thấy rõ nỗi vui mừng tột cùng trong buổi đầu tiên của đời lính. Nó thấy thế nào là vẻ đẹp kỳ diệu của những đám mây trắng lơ lửng giữa một nền trời xanh lơ. Tiếng súng đã im. Ông thầy theo đường kênh này về. Tiếng đục hót hải của thằng mang máy. Định lò dò bò theo thằng lính trở lại khu an toàn. Nhưng nó vẫn còn đục thằng mang máy cố gắng nghe. May ra chuẩn úy Quý lên tiếng. Tuy nhiên, thay vào tiếng nói của thằng bạn thân, lần này là tiếng gọi từ một tần số xa: Chuẩn úy Định và chuẩn úy Quý về trình diện hậu cứ gấp.

Lý do thứ nhất: có thân phụ của Định đang đợi ở Cần Thơ. Lý do thứ hai: Hai chuẩn úy Định và Quý về nhận giấy phạt của

Tiểu khu để vào trại quân kỷ bởi vì để lính đào ngũ nhiều nhất.

Định cầm giấy công điện không biết nên cười hay nên khóc. Quý ơi, nếu tờ công điện này đến sớm hơn một ngày thì tình hình đâu đến nỗi như hôm nay.

oOo

Thế là Định trở về Cần Thơ như một loài dã thú. Tóc tai dài quá ót. Quần áo bạc phếch màu bùn. Trên vai, chiếc ba lô nặng trĩu dành cho những ngày trong trại kỷ luật. Nó đón đờ máy, mắt nhìn về phía chân trời cũ, như muốn chảy nước mắt. Năng chói lòa một khúc sông. Trên cao, những đám mây trắng óng mượt như những đám bông gòn. Bất giác, nó nhớ đến thằng bạn. Nhớ thê thiết. Đây là lần đầu tiên có một người lính trở về lẻ loi một mình. Định gọi khẽ: Quý, mày có nghe tao gọi không? Mày có thấy tờ giấy phạt có ghi tên mày và tao không? Mày có thấy là mày không được may mắn không? Dòng sông phù sa nhìn đến nhức nhối. Định

cứ nghe vẳng lại giọng nói tức tối, và tuyệt vọng trong máy PRC 25. Tôi là chuẩn úy Quý đây. Tôi đã bị bắt... Định không còn mang cảm giác rạo rực nôn nao như những lần trước nữa. Đối với Định, bây giờ con đò máy đang đưa nó về một bến bờ vô định.

oOo

Gặp nhau, Định kể chuyện đã qua. Cả bọn còn lại ngậm ngùi nhớ một thằng xa vắng. Thằng khóa 24 nói: Thằng Quý đã không bao giờ mang về mặ́m cá trê vàng như hấn đã hứa. Định rán thì thào cùng mấy thằng bạn: Bọn mày đừng nói với ông bố tao là tao bị nằm ậ́p. Ông bố Định ghen lời nghe thằng con kể lại chuyện chiến trường. Ông bảo ông có mang một chiếc áo giáp cho con. Định bùi ngùi: Bố mang làm gì cho nặng. Chiến trường sinh lầy không có thể mang áo giáp được. Mang vào làm sao mà lợi sinh. Cha con, bạn bè cùng nhau nâng ly. Uống từ trưa đến chiều đến tối. Đêm bốc rượu bốc men. Đêm đầy trăng sao. Nhưng đêm có một vì

sao rụng. Cả bọn nhắc lại kỷ niệm với thằng bạn đã khuất. Duy chỉ có người bố già là yên lặng suốt buổi. Không ai biết ở hai khốe mắt già nua đã giấu lệ.

oOo

Một ngày thượng tuần tháng 8, Định lại trở về. Đêm đó, Định và thằng khóa 13 đến nhà thằng khóa 24. Lại đi tìm một quán quen thuộc. Trên đường tối mập mờ ánh điện đường, gió gậy gậy lạnh, không gian còn ẩm ướt do một cơn mưa rào vừa dứt, thằng khóa 24 dừng cạnh một quán thuốc lá bên đường. Một điều tao mời đứa con của chiến trường, bình an trở về thành phố. Que diêm bật cháy. Gương mặt xương và xạm nắng của Định òa sáng dưới ánh lửa. Tiếng cười buồn. *Hòa nhĩ mà. Hòa nhĩ.* Cả bọn cùng cười. Định liên tưởng đến ý nghĩa của hai chữ mà cả bọn đặt cho một ván cờ lịch sử. Phải *hòa nhĩ*. Vì có hòa bình ngưng bắn. Vì các phe đã ngồi lại long trọng đặt bút ký, cùng nhau nâng cao cốc Champagne tại Ba Lê. Nhưng ở đây, đã

không bao giờ có chữ *hòa nhã*. Vẫn đánh giặc, lội sình, đóng đồn, lằm ăn đêm. Vẫn tấn công, pháo kích, máu và nước mắt theo mùa mưa hòa cùng ngày tháng gian khổ. Quán tối, nhạc nức nở, cô hàng tóc mun, đôi mắt tô than. Cả bọn kêu nhớ Saigon, thương Saigon. Cả bọn kêu nhớ thằng Quý. Định cười: Hy vọng kỳ trao trả tù binh, nó sẽ có mặt cho vui cửa vui nhà. Đêm trôi bên ngoài. Nhưng trong này, đêm như ngừng lại, thềm thì lời hát, tiếng dương cầm, và những giọt cà phê đen sậm. Trông thằng Định hôm nay buồn và ít nói. Quán càng lúc càng vắng. Nhạc càng lúc càng rõ và nức nở hơn. Tất cả im lặng, lắng nghe tiếng lòng, tiếng đêm, tiếng bâng khuâng của những đứa trên dưới ba mươi.

oOo

Buổi sáng Định kêu thềm phở. Kỳ này tao phải ăn cả chục tô. Buổi sáng, lại cà phê, lại quán phở. Cần thơ, trong cơn gió đầu mùa như mùa thu xứ Huế. Bầu trời xám trắng.

Những cơn gió mạnh thổi qua, rừng lá vàng lại rụng xuống mặt đường như mưa bắc. Điều thuốc lại cảm hơi. Thành phố như một người con gái lười ủ dột. Đường còn mờ sương. Thằng khóa 24 kể lại những lời của Lập ở Saigon khi nó nhắc đến vụ xin thuyền chuyển của Định: Nó nói giấy tờ thuyền chuyển đang còn chờ ký. Hãy ráng mà giữ mình. Thằng khóa 24 lại cười: Thằng Lập còn nói thêm kỳ này mày về Saigon mà không đãi nó một chầu rượu chết bỏ, nó sẽ chửi mày. Định cười: *Hòa nhã*. Cả bọn cùng la lê *hòa nhã*. Thằng Định nói với thằng khóa 13: Tao có mấy lá thư gửi cho nàng. Nhớ gửi dùm tao nhé.

Rồi nó quay lại hỏi thằng khóa 24:

"Viết thêm một truyện mới nào không?"

Thằng 24 gật đầu, hút thêm một hơi thuốc lá:

"Tao mới thai nghén một truyện mới. Nhan đề là Sao chổi"

"Tên gì nghe dữ dội. Mày viết về gì?"

"Về một ngọn đồi với những tháp chàm. Về đất nước này, một ngày cũng thế".

"Được đấy. Chùng nào ra mắt ?"

"Không biết. Bây giờ văn chương chỉ đòi hỏi những thứ khác. Như hiện tượng sách dịch, hiện tượng rong chơi, tình yêu như kiểu Roméo Juliette..."

Định cười vỗ vai thằng khóa 24:

"Yên chí. Chùng nào đổi về Saigon tao sẽ làm nhà xuất bản".

"Nếu mày không lo, tao sẽ không nhìn mặt mày đâu ..."

"Hòa nhã mà"

Thằng khóa 13 thêm:

"Mày phải thêm vào những buổi nhậu đông đủ có thằng Quý, thằng Định, thằng Nhã, tao, mày. Rồi cuối cùng thằng Quý bị bắt sống..."

"Nhất là những thằng có mặt sau ngày ngưng bắt đang ngóng đợi tin mừng". Định cười.

"Vâng. Tao sẽ thêm vào tất cả. Nhà văn là ông vua mà..."

Chợt thằng khóa 24 nói với Định:

"Tao có một truyện viết dành tặng cho mày. Chờ tao một lát, tao về nhà lấy".

Sau đó thằng khóa 24 hấp tấp lên xe về nhà. Độ chừng 15 phút sau, thằng 24 trở lại với tập bản thảo gồm 8 tờ giấy đánh máy. Trên hết đề:

Người trở về

Tặng Định

Định nhận truyện từ bạn, mà rưng rưng xúc động. Nó đọc một mạch. Càng đọc gương mặt càng đắm chìm trong nỗi u uẩn. Nó bắt chặt tay thằng khóa 24: "Tao sẽ luôn luôn mang theo bài văn này với tao. Cám ơn mày".

Thế rồi Định từ giã. Khác với mọi lần, lần này, Định có vẻ buồn. Một vẻ buồn từ hai con mắt, từ đầu cúi xuống, đôi vai như khom lại trên vĩa hè xi măng.

oOo

Ba giờ trưa ngày 22 tháng 8, một cú điện thoại ngắn ngủi gọi thằng khóa 13. Chuẩn úy Định chết rồi. Xác để trong nhà Vĩnh biệt. Thằng khóa 13 la lớn, đôi mắt sững sờ. Rồi

hắn báo tin cho thằng khóa 24. Thằng khóa 24 bàng hoàng hỏi lại mày chắc là thằng Định không ? Thằng 13 hồi hả dục: Đi với tao xuống nhà Vĩnh biệt. Coi thử phải nó không. Rồi hai đứa đèo nhau bằng Honda. Xe cũ nên chạy chậm. Đằng sau thằng 24 cứ nói: Không thể nào như thế. Tao không tin là nó chết. Mới đây, điện thoại từ Saigon cho biết giấy tờ chuyển đã được ký. Chỉ còn vài ngày nữa là nó có tin mừng. Giọng thằng khóa 13 sững lệt: Tao cũng tin vậy. Hy vọng không phải...

Xe gần đến nhà Vĩnh biệt, trời đang nắng bỗng nổi một trận mưa giông. Quần áo hai đứa đầm dề nước. Xe chạy qua Nghĩa trang quân đội. Mộ bia hàng hàng lớp lớp bạt trùng với những chiếc thập tự giá nổi lên tro trọi. Xe đến cửa nhà xác. Thằng khóa 13 tìm người gác. Thưa ông có xác nào mang tên Chuẩn úy Định không ? Ông gác gật đầu: Có. Chỉ có một tiếng. Ông lão lại hỏi:

"Hai thầy là gì của Chuẩn úy Định ?"

"Bạn. Bạn thân. Xin ông làm ơn cho chúng tôi nhìn mặt bạn chúng tôi đi".

Phòng lạnh. Những ngăn hòm vĩ đại. Số 19. Người lính kéo ngăn. Định đang nằm ngủ. Gương mặt xạm, đầy xương. Đôi mắt khép kín. Thân thể trần. Chỉ có mỗi chiếc quần đùi màu ô liu. Trên ngực, 5, 6 vết thủng bầm tím. Miếng mìn. Thằng khóa 24 rơm róm nước mắt. Thằng khóa 13 đôi mắt đỏ hoe. Chúng đã hiểu là từ đây không còn thằng Định nữa. Nó đã mất, mất hẳn. Dù có phép màu to tát của Thượng Đế, Định vẫn không thể nở lại nụ cười đẹp trên chiếc cằm xương kia nữa.

Mưa vẫn tiếp tục rơi ngoài nhà Vĩnh biệt. Ở trong này, tiếng kể của người canh nhà xác vẫn tiếp tục đều đều:

"Tôi nghiệp cho Chuẩn úy Định. Tôi nghe những người lính của ông nói lại là ông đã nhận được lệnh chuyển về Saigon làm lớn lắm. Lúc ấy đơn vị ông đang bị tấn công và ông bị mìn. Trận này có một chuẩn úy khác tử trận".

Thằng khóa 24 hỏi:

"Ai thế ông ?"

"Chuẩn úy Lộc. Chuẩn úy Vĩnh Lộc".

Thằng khóa 24 la lên thất thanh:

"Tao biết thằng Lộc. Nó cùng học Vạn Hạnh với thằng Định, cùng có cử nhân, cùng một đơn vị. Vĩnh Lộc là cây bút nổi tiếng trên Văn Học của Phan Kim Thịnh".

Thằng 13 đục ông lão cho nó được nhìn mặt Lộc. Ngăn lại được kéo ra. Một con mắt bị móc. Tim bị móc. Cả hai choáng váng như thể ngã quỵ. Tóc gáy dựng ngược. Mồ hôi toát lạnh. Thằng 24 thở dốc, vừa ôm ngực vừa lết ra ngoài phòng lạnh. Thằng 24 mếu máo:

"Tao không thể hiểu tại sao".

Thằng 13 lắc đầu nhìn sững ra ngoài sân:

"Cái chết của hai đứa là cái chết của người lính vào giờ thứ 25".

Thằng 24 nói trong đau đớn:

"Không. Giờ thứ 27. Khi thằng Định ra trường, hấn ngã đất nước "*hòa nhã*" vì người ta đã ký hiệp định ngưng bắn. Tức là giờ 25. Rồi sau đó đến bản Thông Cáo Chung, tức giờ 26. Và bây giờ là lệnh chuyển. Giờ 27..."

oOo

Ngày mai, ông bố Định xuống Cần Thơ vào buổi trưa. Gặp thằng 24 ở nhà xác, ông vẫn bắt tay bình tĩnh. Thằng 24 dẫn ông vào phòng lạnh. Người phụ trách lại mở ngăn kéo số 19. Thằng 24 nhìn ông già khóc òa. Nhưng người cha bất hạnh ấy vẫn đứng lặng, nhìn mấy vết thương tí ti, bầm tím trên ngực con, rồi ngậm ngùi nói: *Sao con lại không chịu mang áo giáp ba đem cho con ?*